

Trạng Quỳnh



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TRUYỆN TRẠNG QUỲNH

TRUYỆN
TRẠNG QUÂN

LỮ HUY NGUYÊN
(Biên soạn)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC - 2003

CÙNG BẠN ĐỌC

TRUYỆN TRANG QUỲNH được thu thập từ nhiều nguồn tài liệu. Một phần những tài liệu còn lưu truyền trong dân gian đó được ghi thành sách, nhưng mỗi sách đều có đại đồng, tiểu dị, cũng có lắm khi phần sai biệt nhau lại khá lớn.

Kể lại các truyện này, tôi có tham khảo sách của nhiều vị đi trước, tuy hầu hết đã được tôi viết lại theo chủ quan của mình, sau khi đối chiếu, xác lập các chi tiết từ các sách ấy.

Rất mong sự sơ xuất của chúng tôi có thể được lượng thứ khi bạn đọc tiếp nhận tập sách này phần nào cảm thấy hài lòng.

Xin cáo lỗi và mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp, bổ sung, để may ra có dịp "tái xuất giang hồ", Trang Quỳnh vẫn sống như một nhân vật hiện đại chẳng có gì xa lạ với chúng ta.

Soạn sách TRUYỆN TRANG QUỲNH, tôi đã căn cứ hoặc dựa theo tài liệu và sách của các vị: Trương Chính, Phong Châu, Trọng Miên, Lãng Nhân, Vũ Ngọc Khánh, Chu Xuân Diên, Nguyễn Đức Hiền, Đặng Văn Lung, Hoàng Văn Trụ, Hoàng Ngọc Phách, Kiều Thu Hoạch, Quang Huy, Nguyễn Đình Chú, Nguyễn Cừ, Phan Trọng Thường... và các bản không ghi tên người soạn, trong đó có bản của Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1962, và các sách Hồng Đức Quốc Âm thi tập, Văn đàn bảo giám kể cả bản của tôi in lần đầu năm 1993 đã qua nhiều lần chỉnh lý.

GIỎI TỪ TRONG BỤNG MẸ

Có nhiều câu chuyện về một nhân vật xuất chúng được nhân dân truyền tụng suốt từ đời này sang đời khác thành một hình tượng nhân vật văn học dân gian độc đáo. Ấy là Trạng Quỳnh, một đại diện ưu tú của trí tuệ nhân dân, được nhân dân xây dựng, bồi đắp ngày thêm phong phú, hoàn chỉnh tài năng và tính cách; hòa trộn yếu tố hiện thực và những giả tưởng huyền thoại pha chất trần gian. Người ta đồn rằng, Quỳnh hay chữ từ lúc còn là bào thai trong bụng mẹ.

Chuyện kể, trong thời gian bà mẹ Quỳnh mang thai, có lần ra ao giặt quần áo, bỗng nhìn thấy một con vịt bầu to đang bơi lội thoả thích trên mặt ao. Bà cũng vốn là người hay chữ, tức cảnh sinh tình, buột miệng đọc lên một câu, xem ra thật hợp tình, hợp cảnh, lại chứa chan thi vị:

Lênh đênh bầu trời mặt nước

Ai ngờ, chợt bà nghe tiếng trẻ con từ trong bụng mình phát ra:

Lẳng lơ quả mít trên cành.

Thật là dối thanh, dối ý, dối lời. Bà mẹ cũng sờ
hồi lâu về sự khác thường ấy và tin rằng đứa con
sau này mình sinh chẳng khác người nhà trời xuất
thế. Về sau, quả như lời, Quỳnh sinh ra và lớn lên
như một nhân vật khác thường. Chuyện lạ đó đây
còn lưu giữ mãi trong trí nhớ người đời. Và còn bao
nhiều chuyện khác như sau đây.



ÔNG TO ĐẦU, ÔNG NỔ LỬA

Khi Quỳnh lên sáu, lên bảy, đã nổi tiếng thông minh, lắm mưu, nhiều kế, tính thích đùa nghịch khác người. Quỳnh ít tuổi nhưng hay chơi với bạn lớn. Ai cũng tôn Quỳnh làm đầu, thường lấy lá chuối làm cờ, lá sen làm lọng, kiểu "chủ tướng" Quỳnh trong các trò diễn nổi sớm thông chiều. Ai cũng phục Quỳnh trong các cuộc vui, có tài biến hóa linh hoạt.

Một lần, vào đêm sáng trăng tháng Tám, đang chơi ngoài sân cùng các bạn, Quỳnh bỗng bày ra một trò chơi mới. Quỳnh khуến tay ra vẻ quan trọng, thở dài đánh sượt rồi chép miệng:

- Chơi mãi thế này chán chết. Ai thích xem ông đầu to bằng cái bồ với ông nổ lửa thì theo tôi! Ai không đi, không ép!

Chúng bạn reo hò hưởng ứng, ai chả thích trò mới lạ. Quỳnh lại nghiêm giọng kẻ cả:

- Thế thì làm kiểu dẫn ta đến nơi đó. Nào, bắt đầu! Đến đấy ta bảo sao thì cứ vậy mà làm. Nghe chưa? Mà nhớ miệng ai nấy đây, chớ có bép xép!



Bạn bè xúm lại, cùng khoanh tay kiệu Quỳnh đi. Đến cái nhà kho cũ tối om, Quỳnh cho dừng kiệu rồi hắng giọng bảo:

- Xin các quan viên trăm họ chờ cho một lúc, Quỳnh này vào xem ông to đầu và ông nổ lửa đã đến chưa? Tất cả hàng ngũ chỉnh tề, đợi lệnh ta.

Được chuẩn bị từ trước, Quỳnh bước vào khoảng đêm tối bùng trong nhà, rút ở túi áo ra một cây nến đặt lên bậc đá cao, lại nhét vào khe tường kho một quả pháo đùng, cố ý giấu thật khéo không để cho ai nhìn thấy. Xong đâu đấy, Quỳnh khụng khiêng ra ngoài, giả tảng hoảng hốt, nói với mọi người, xem bộ quan trọng lắm:

- Hai ông ấy đến rồi, trông hãì ghê. Vì vậy, ai gan to thì theo ta. Ai yếu bóng vía thì xin đứng ngoài, chốc lát sẽ được nghe thuật lại chuyện thôi.

Chả có ai lại chịu đứng ngoài để mang tiếng là nhát như cáy, nên cùng nhau ùa vào. Quỳnh nạt:

- Không có được chen lấn, tất cả lên gân cốt sẵn sàng! Nến sáng một cái là ông to đầu xuất hiện, chớ có sợ quá mà vãi đái ra quần đấy, không xong với ta đâu!

Nến loé sáng, bỗng trên vách kho lừng lững một ông đầu to như cái bồ, chính là cái bóng của Quỳnh hắt lên. Đang lúc mọi người còn nhốn nháo

chưa kịp nói gì, Quỳnh đã châm hương gí lửa vào cái ngòi quả pháo dùng giắt ở kẽ tường. Một tiếng nổ lớn đình tai nhức óc, lửa khạc quầng ánh sáng chói mắt, làm cho tất cả mọi người giúi giúi ngã vào nhau. Sau đó, Quỳnh thổi nến tắt phụt, ông to đầu và ông nổ lửa biến mất.

Nhà kho chìm trong bóng đêm, trở lại không khí đây bí ẩn, ma quái.



TRỜI SINH ÔNG TÚ CÁT

Ông Tú Cát, một hôm kia đến nhà Quỳnh chơi, gặp lúc bố Quỳnh đi vắng. Ông Tú Cát tha thần ra ngoài vườn, rồi tiện chân đến bên chuồng lợn. Thấy con lợn béo ụt ịt, híp cả mắt, ông buông lời khen: "Chà, con lợn kia béo thật". Quỳnh đi theo ông Tú và nói: "Con lợn cần này ăn cám tốn lắm, thưa ông!".

Đỗ tú tài, ông Tú vẫn thường hợm mình giỏi chữ và hay bày trò khoe chữ. Thấy trong câu nói của Quỳnh có chữ "cần" và "tốn" là tên hai cung trong *bát quái*, ông Tú bảo Quỳnh lại gần để thử tài:

- Ta ra cho cậu câu đối này cậu thử đối xem:

"Lợn cần ăn cám tốn!"

Quỳnh thấy ông Tú lấy ngay câu nói của Quỳnh làm vế thách đối, đã thấy lo lo. Lo nhất là vế mình đối phải kèm được hai chữ chỉ hai cung khác trong *bát quái*. Đang lúng túng, chưa nghĩ ra, chợt thấy có con chó từ đâu chạy lại; nghĩ chân ông Tú, Quỳnh liền nhanh trí đối luôn:

"Chó khôn chó cần cần!"

Khôn và càn cũng là hai cung trong bát quái như cấn và tốn.

Ông Tú tuy đã phục Quỳnh nhưng chưa chịu tha, lại ra cho Quỳnh một câu đối nữa, câu này có ý tự phụ mình là ông Tú, coi cả thiên hạ chả ra gì:
"Trời sinh ông Tú Cát!"

Quỳnh xin phép hỏi:

- *Trời đối với đất có được không ạ?*

- Được! Có thể cũng phải hỏi. Tiếp tục đi!

- *Cát đối với hung được chứ ạ?*

- Được lắm! Đối *đất* với *trời*, *hung* với *cát* là đối cả ý lẫn thanh. Đối thế, ai chê nổi!

Đang đà ông Tú Cát nức nở khen, Quỳnh ta liền không úp mở chi nữa, đối luôn câu:

"Trời sinh ông Tú Cát"

Bằng câu:

"Đất nứt con bọ hung".

Lại khiêm nhường khép nép thưa: "Xin thỉnh giáo ông Tú!"

Ông Tú đấng hòng, biết mình mắc lõm, song chẳng dám ho he nửa lời. Ông chắc lười nghĩ bụng: "Cái thằng lão toét, dám đối Tú Cát ta với loài bọ hung hôi rình. Hừ, lão!". Từ đó không còn ba hoa khi gặp Quỳnh ở đâu nữa vì ông biết đối thủ chẳng phải tay vừa.



ĐÊ ĐỤC CHỬA

Đã mấy đêm liền, quan chiêm tinh xem sao trên lầu thiên văn, thấy cứ vào giờ ấy, phía ấy, xuất hiện trên bầu trời một ánh hùng tinh, biết là diêm báo nhân tài đang ẩn náu ở vùng đó. Quan chiêm tinh bèn tâu với nhà vua, để xin ra chiếu cầu hiền tài. Nhà vua chuẩn tấu, không giấu được vẻ mừng vui, ngóng đợi.

Chiếu cầu hiền ban xuống tỉnh Thanh đã lâu, nhưng không thấy thôn nào xã nào trong vùng tiến cử người tài trí, ứng với ngôi hùng tinh kia. Về sau, theo lời đệ trình của quan chiêm tinh, nhà vua cho quần thần lập kế để tìm cho được người hiền tài.

Theo kế đã định, lệnh triều đình được ban ra khắp vùng Thanh Hoá: Hạn trong một tháng, tỉnh thần Thanh Hoá sức mỗi làng phải tiến một con dê đực. .. chữa. Quá hạn mà không có, sẽ trị tội cả làng, cả tỉnh. Cha đời nhà ai lại có thứ lệnh phải gió như thế. Mà làm gì có thứ dê đực chữa. Mạng sinh linh phen này chẳng hơn con ngoé.

Trát về đến làng của Quỳnh, từ chức dịch đến dân chúng đều lo sốt vó, nhất là ông cụ thân sinh ra Quỳnh lại càng sợ, bởi ông cũng là bậc huynh thứ trong làng, không tìm được dè dặt chữa, tất nhiên là phải chịu tội trước. Chiếu gì mà lại có thứ chiếu oái oăm, bằng giết dân không bằng. Ông thân sinh Quỳnh phàn nàn về chuyện ngược đời đó với cả nhà, mặt buồn rười rượi, lòng rối như tơ vò. Ai nấy kinh hãi, lo phiền. Nhà đang vui bỗng buồn như có đám. Riêng Quỳnh bình tĩnh lắm, thấy thế bảo bố:

- Nếu thầy không khinh con là trẻ nít, con sẽ có cách giúp dân làng ta thoát được tội tày đình.

Ông bố Quỳnh đương lúc bực mình, liền mắng té tát:

- Chuyện đại sự, con biết gì mà bàn. Dừng có nói leo! Không biết thì dựa cột mà nghe.

Hồi ấy Quỳnh chưa phát lộ tài năng, chỉ bình thường như lũ trẻ khác trong làng, nên ông bố đâu có tin là Quỳnh sẽ hiến được mưu kế gì cho đặc sách. Lòng ông trĩu nặng ưu tư, biếng ăn biếng ngủ.

Mấy hôm sau, lại thấy Quỳnh nặng nạch đòi được tham gia vào việc giải nguy cho làng. Ông im lặng không nói gì, Quỳnh bản tính nghịch ngợm, nhưng hiếu thảo, rất thương bố, bèn nói:

- Thầy không cho nói, con cũng xin thưa. Việc ấy thầy khỏi phải lo, con xin thu xếp đâu vào đấy. Nhà vua bắt tiến có một con dê đực chữa, chứ bắt tiến đến mấy con cũng có. Xin thầy cứ nhận với dân làng, chồng cho bố con mình một trăm quan tiền để mua dê đực chữa. Sai hẹn, con xin chịu tội thay cả làng. Mong mọi người cứ ăn ngon, ngủ yên, việc ai nấy làm.

Thế chẳng dùng, và cũng chẳng còn cách gì khác, ông thân sinh Quỳnh phải theo lời Quỳnh, làm tờ cam đoan với dân làng và nhận tiền cho Quỳnh đi lòng tìm cái con vật ngược đời ấy. Nhận tiền của dân làng rồi, chả thấy Quỳnh thu xếp chuẩn bị chi cả. Cứ nhờn nhơ như không có việc gì xảy ra.

Sáng sớm hôm sau, hai thầy trò khăn gói lên đường, thẳng phía thành Thăng Long dần bước. Tới kinh đô, Quỳnh hỏi dò được ngày vua ngự chơi phố, yên chí cùng bố rong chơi vãng cảnh như không còn nghĩ gì đến chuyện mua bán kia nữa. Thật là gan to như quả núi.

Đúng ngày vua ngự vãng cảnh Thăng Long thành, Quỳnh dậy thật sớm, chui xuống dưới cổng Cửa Đông nằm chờ sẵn, không để cho ai thấy mình ẩn núp dưới đó, đang mưu tính những gì.

Đợi đến quá trưa, xe ngựa quan quân rầm rập

đi lại trên cống. Quỳnh biết là vua đang đến, bèn bất ngờ oà khóc, lúc đầu còn thút thít, ầm ục, càng sau càng nức nở, oán thán. Tiếng khóc to uôm uôm dưới cống, động đến tai vua. Nhà vua nhìn trước ngó sau, không thấy người khóc chỉ thấy tiếng khóc, lấy làm lạ, cho người sục tìm khắp nơi. Cuối cùng quân lính lòi được Quỳnh từ dưới cống lên. Trông Quỳnh lúc ấy thật là thảm, quần áo nhếch nhác, mặt mày lem luốc.

Nhà vua cho phép Quỳnh lại gần và hỏi:

- Thằng bé con kia, tại sao nhà ngươi chui xuống cống?

Quỳnh giả vờ ngu ngơ không biết người đang hỏi mình là nhà vua, cứ từng từng trả lời trổng trắng:

- Ngựa xe các ông đông quá, tôi không chui xuống cống để các ông chẹt chết à! Hu! Hu! Hu!

- Nhưng có gì lại khóc? Nứt mắt đã có gì oan ức sao?

Quỳnh được thể lại bùng mặt hu hu, tiếng khóc nã nã như giữa đám ma vua:

- Thưa ông... hứ hứ... Mẹ tôi chết... hứ hứ... ba năm nay rồi... hứ hứ, mà bố tôi... hứ hứ... không chịu đẻ em bé cho tôi... hứ hứ... ầm... Nên... nên hứ hứ... tôi khóc... Bố đẻ đi... hứ hứ... bố ơi là bố ơi!

Nhà vua bật phì cười, quên cả nghĩa lễ trang nghiêm:

- Thằng nhỏ dở hơi mất rồi. Làm gì có cái thú đàn ông để con bao giờ. Thật là đồ lộng ngôn!

Quỳnh liền thôi khóc, thay đổi bộ dạng, khoanh tay kính cẩn thưa gửi đầu vào đây:

- Thưa ông, vậy mà vừa đây tôi thấy các bậc cha chú trong làng lại rủ nhau đi lòng mua dê được chữa, để tiến nhà vua. Tôi tưởng dê được mà chữa để được thì bố tôi cũng chữa để được chứ ạ!



Vua cùng các quan đi hộ giá chứng kiến câu chuyện từ đầu đến cuối, biết là đứa trẻ này có tài, ứng vào ngôi hùng tinh kia, liền ban thưởng hậu cho Quỳnh, và tha cho dân chúng khắp tỉnh Thanh Hoá không phải cống dê đực nữa.

Thế là kế vua được thực hiện, mà Trạng Quỳnh cũng có cơ hội phát lộ tài năng, chẳng mấy lâu nổi tiếng khắp nước.



ĐƠN TRÌNH BÒ CHẾT CỦA CÔ GÁI KẼ NGHI

Một hôm Quỳnh từ huyện về thì gặp một cô gái từ Kẻ Nghi lên huyện.

Từ Kẻ Nghi lên huyện phải qua một quãng đường đồng lầy lội. Hỏi chuyện cô gái, Quỳnh biết cô lên huyện để đưa đơn trình quan về việc con bò bị chết, xin được đem chôn, Quỳnh hỏi mượn đơn xem, rồi giả vờ lỡ tay đánh rơi đơn xuống bùn. Cô gái Kẻ Nghi bắt đền Quỳnh, Quỳnh làm ngay đơn khác để cô trình quan. Lá đơn ấy Quỳnh viết:

*Tôi là cô gái Kẻ Nghi
Có con bò chết đem đi trình người
Lội đồng vấy ướt đơn rơi
Tôi phải mượn người làm cái đơn ni
Đem vào trình với chú Tri
Mong chú chấp lấy đơn ni làm bằng
Nếu mà chú nói mần rằng
Thì chú bú c... cho thẳng mần đơn
Đọc xong mặt tím bầm quan quát:*

- Thằng nào viết đơn này cho mày?

- Bẩm quan, một người đi đường ạ!

- Sao lại một người đi đường?

- Bẩm quan, người ấy biết con làm đơn trình quan về việc bò chết, người ấy mượn đọc, không may lỡ tay, lá đơn của con rơi xuống nước, người ấy sợ quan quở phải viết lá đơn này cho con đến trình quan.

- Hình dạng người ấy ra sao?

- Dạ, bẩm quan, người to, bụng phệ, mặc áo năm thân, bỏ quần lá lân, và...

- Và cái mả cha mày à, lần sau đơn có rơi cũng không được để cho người ấy viết lại nữa nghe không?

Nói rồi quan gọi lính đuổi cô gái ra khỏi công đường.



TRẠNG QUỲNH ĂN HỐI LỘ

Quận chúa út bị bệnh sởi từ ngày Giáp Tuất đến ngày Tân Mão⁽¹⁾, uống đã nhiều thuốc mà vẫn không lui cơn sốt. Sớm ngày Nhâm Thìn là ngày thứ 18, các ngự y dâng thuốc hầu và cam đoan rằng trong ba ngày thì cơn sốt sẽ lui. Chúa đã không nghe lại còn quát mắng âm ỉ và sai thị thân đổ thuốc đi không cho quận chúa uống, rồi cho đòi Trạng Quỳnh vào hầu.

Chúa phán:

- Quận chúa sốt đã chầy ngày mà vẫn không hạ được cơn, trong nội phủ không thiếu gì thuốc hay, thầy giỏi mà chữa không được, ý hẳn có nguyên cớ gì đây. Nhà ngươi là người tài giỏi, tinh thông mọi lẽ uồn éo của âm dương, vậy phiền nhà ngươi xem cho quận chúa...

Trạng Quỳnh nghĩ bụng: bệnh sởi sốt cao bắt đầu từ ngày Giáp thì chắc chắn qua hai ngày Giáp

⁽¹⁾ Từ ngày thứ nhất đến ngày thứ 17.

sẽ lui⁽¹⁾, hôm nay đã là Nhâm Thìn thì cách một hôm nữa đã là Giáp Ngọ, chắc sẽ qua cơn sốt. Tuy vậy, nhà chúa đã sốt ruột thì mình cũng phải chiều lòng. Nghĩ vậy, Trạng Quỳnh liền thưa:

- Khải cùng nhà chúa: quận nường vốn là cành vàng lá ngọc, các loại sao tằm thường như La Hầu, Kế Đô, Thái Bạch không thể chiếu được. Tôi xem trong sách thông thiên hiểu, biết rằng các bậc quý tộc xưa nay, nếu đã gặp vận hạn thì đều do các vì sao thượng đẳng chiếu. Vì vậy cần phải lập đàn, sửa sang đại lễ, làm lễ nhượng tinh kì phúc để giải nạn thì mới qua khỏi được.

Chúa phán hỏi:

- Ta giao việc này cho nhà người thì liệu nhà người có làm được hay không?

Trạng Quỳnh thưa:

- Khải cùng nhà chúa, nếu bề trên giao thì tôi xin làm, nhưng vì các vì sao cũng chiếu có nhiều tên lạ, vì thế, xin cho phép tôi được kêu người hay chữ trong hàng trăm quan để đọc số...

Chúa Trịnh chuẩn y và lệnh cho các quan văn phải sẵn sàng đợi lệnh Trạng Quỳnh.

Các quan trong triều nghe nói người đọc văn

⁽¹⁾ Tức là qua 20 ngày.

phải là người hay chữ, thông hiểu mặt chữ, tên các vì sao lạ, ai nấy đều lo sợ, bèn sai người đến nhà Trạng Quỳnh dò xét. Họ chỉ thấy Trạng Quỳnh sai người đi khắp các phường ở Thăng Long mua tất cả các giấy lệnh về can nỏ tờ nọ vào tờ kia và cuộn vào một trục lớn to bằng cốt thóc lớn. Hỏi kỹ mới biết là phải ngân ấy giấy mới đủ viết tên các vì sao.

Thế là các quan lớn đều run lên vì chỉ sợ nếu mình không may được cắt vào chân đọc số mà lại không biết đầy đủ các mặt chữ thì ê mặt. Chẳng ai bảo ai, ông nào cũng sấm sanh "lễ vật" đến nói nhỏ với Trạng Quỳnh xin kiểu việc đọc số, người thì với lý do tuổi già, gồi mỗi không quỳ được lâu, người thì có bụi (tức là có tang), người thì ốm ho...

Trạng Quỳnh nhận lễ của các quan vẫn không sót một ông nào, rồi vào hầu chúa, trình lên:

- Khải cùng nhà chúa, tôi xem ra các quan vẫn không ai đủ tư cách đọc văn số. Nếu nhà chúa tin dùng thì tôi xin đại bái và khẩn luôn thể.

Chúa bằng lòng. Ngay đêm hôm ấy, đại lễ được mở ra ngay. Hai tên lính đứng hai bên. Một tên mở trục giấy, một tên cuộn giấy vào trục thứ hai. Mở và cuộn đến tờ giấy cuối cùng mới thấy mấy dòng chữ, Trạng Quỳnh đọc:

*Trên trời lăm sao lăm sao
Có phải vị nào xuống mà ăn xôi
Ăn xong sao lại lên trời
Hộ chúa một đời chúa chẳng làm sao
Cẩn cáo!*

Qua ngày Quý Ty, quận chúa lui con sốt và sang ngày Giáp Ngọ thì hết sốt.

Thế là chúa mừng, các quan cũng mừng và tất nhiên Trạng Quỳnh là người mừng nhất.



ĐĂNG NÀO LÀ GỐC? ĐĂNG NÀO LÀ NGỌN?

Quỳnh đi sứ, quan Tàu và binh lính tùy tùng đến trạm tiếp sứ, đón Quỳnh. Để thử tài sứ An Nam, quan Tàu sai lính mang đến một cây gỗ bằng đầu bằng đuôi, quét sơn đỏ chót rồi nói với Quỳnh:

- Nghe tin sứ An Nam học rộng, tài cao, đoán trước được mệnh trời, vậy sứ cho biết, cây gỗ này đăng nào là gốc, đăng nào là ngọn?

Quỳnh thản nhiên bảo:

- Khó gì chuyện ấy, sáng mai sẽ trả lời.

Đêm đến, Quỳnh cho người tâm phúc đi lấy phân trâu bôi bắn cây gỗ. Sáng ra, Quỳnh đến sớm, thấy cây gỗ đầy phân, Quỳnh quát:

- Dem một cây gỗ thử tài ta, vậy mà các người dám để cây gỗ bắn thế này ư?

Tên quan Tàu vội vàng sai lính khiêng cây gỗ đem xuống cái hố gần đấy để chùi rửa.

Khi cây gỗ bỏ xuống nước, đầu gốc nặng hơn chìm xuống, đầu ngọn vồng lên nên khi bọn lính đem cây gỗ lên, Quỳnh nói ngay:

- Đây là gốc, kia là ngọn.

Nghe Quỳnh nói, tên quan Tàu và bọn lính tùy tùng của hắn đều hết sức khâm phục và sợ hãi.



NHẬT BÃ TRẦU

Một lần trên đường về phủ, Quỳnh ghé vào quán nước bên đường. Trong quán, một viên quan phụ mẫu đang ngồi, dáng oai phong, bệ vệ, mồm bồm bẻm nhai trầu. Cạnh đó, một chú lính lệ đứng hầu, mặt ngay cán tàn nghiêng ngó kẻ qua người lại.

Uống xong bát nước, Trạng ngồi chơi dáng vẻ dợt chờ điều gì. Vừa lúc quan nhai xong trầu vút miếng bã xuống đất, Trạng liền cầm lên ngấm ngấm vẻ trân trọng rồi đút vào túi. Thấy lạ, quan bèn hỏi người nhật bã trầu, ra ý tò mò:

- Người là ai? Nhật bã trầu làm gì?

Trạng Quỳnh làm bộ khúm núm, đáp lời, giọng châm chọc:

- Tôi là học trò nghèo, nghe nói "*Miệng nhà sang có gang có thép*", muốn nhật mang về thử coi, xem có thực không? Xin quan lớn đừng để tâm.

Biết mình bị xỏ, lại không biết người này là Trạng Quỳnh, quan liền ra vẻ học thức, lên giọng kẻ sang:



- Nhận là học trò thì người phải đối lại câu tục ngữ người vừa nói, hay ta thưởng, dờ đánh đòn. Mà nhớ là phải lấy tục ngữ đối với tục ngữ cho chỉnh. Nào, đối đi! "*Miệng kẻ sang có gang có thép*". Hừ, được lắm! Đối mau!

Trạng Quỳnh giả bộ rụt rè, sợ hãi, bầm báo loanh quanh:

- Bẩm lấy tục ngữ đối lại tục ngữ, con thấy khó lắm, vả chăng con sợ... mang tiếng xược... xin không... dám đối.

Quan tướng Quỳnh bí thật càng làm già, càng hoành hoẹ:

- Không đối được thì nằm xuống. Vòng vo Tam Quốc mãi. Ta đã nói mà: Hay ta thưởng, dờ đánh đòn.

- Bẩm, vậy con xin đối vậy. Có sao, xin quan miễn thứ cho.

- Được. Đối ngay ta nghe thử!

Quỳnh thông thả đọc luôn vế đối bằng một câu tục ngữ khác:

Đồ nhà khó vừa nhọ vừa thâm!

Câu đối rất xỏ, dám đem cái... *đồ*... nhà khó mà đối với *miệng* nhà sang, láo, láo; nhưng ý tứ câu chữ thật chỉnh, lại đúng là tục ngữ đối lại tục ngữ, không bắt bẻ vào đâu được, quan giục tên lính

hầu cùng đứng dậy ra về cho khỏi tên mặt quan phụ mẫu.

Chả mấy chốc chuyện ấy lan ra khắp vùng, tiếng tăm Trạng Quỳnh ngày càng nổi như cồn. Từ rất sớm, truyện Trạng Quỳnh đã được dân gian hoá, bồi đắp cho kho tàng truyện truyền khẩu dân tộc ngày thêm phong phú.



DÒM NHÀ QUAN BẢNG

Tương truyền Thị Diễm và Trạng Quỳnh sinh cùng thời. Có khá nhiều giai thoại về quan hệ giữa hai người bạn khác giới, cân tài cân trí này. Dân gian còn kể nhiều cuộc đối thoại văn chương giữa Diễm và Quỳnh, nay một số sách còn ghi lại có hơn chục tập.

Đầu tiên, ta hãy nghe về chuyện vì sao Trạng được quan Bảng, thân sinh của Thị Diễm, chú ý đến rồi thu nhận làm học trò, nuôi ăn trong nhà.

Đồn rằng ở đất kinh kỳ lúc ấy có nhà quan Bảng sinh được một người con gái tên là Thị Diễm, kể về mặt nhan sắc thì ít ai sánh kịp, còn mặt chữ nghĩa văn chương cũng tài giỏi hơn người, tiếng tăm nổi khắp đế kinh. Vô khối kẻ môn sinh trong nhà học của cụ Bảng ngấp nghé đưa tiếng, nhưng chưa thấy nào lọt được vào mắt xanh của Thị Diễm.

Biết chuyện, Quỳnh ngày ngày giả vờ mon men đến nhà quan Bảng xem bình văn để dò xét "đối tượng". Bị các học trò mách thầy, quan Bảng lấy làm giận lắm bèn cho người theo dõi bắt Quỳnh

vào để hỏi tội. Lần ấy, Quỳnh bị bắt quả tang trốn đầu cho thoát. Bị lục vấn, Quỳnh một mực lễ phép thưa cùng quan Bảng:

- Bẩm quan, tôi chỉ là học trò nghèo, vốn tính hiếu học, qua đây thấy trường quan Bảng bình văn, tôi đến chỉ nhằm lén nghe trộm bài mà thôi, không dám có ý gì khác.

Quan Bảng không tin, bảo Quỳnh:

- Ta thừa biết nhà anh giả danh học trò vào đây chỉ để giở thói chim chuột con gái ta. Nhưng đã nhận là học trò thì ta cũng ra cho một vé đối, thử tài xem chơi. Đối được thì ta tha, không đối được thì chết đòn, nghe chưa!

- Dạ! Dạ! Tôi xin lĩnh ý thầy.

Trạng Quỳnh nhũn như con chi chi, chờ quan Bảng sát hạch, lo lắng đầy ngực.

Quan Bảng dặng hắng rồi đọc một vé đối khá hóc hiểm, các trò khác nghe qua đã toát mồ hôi:

- "Thằng *quỷ* ôm cái *đấu* đứng cửa *khôi* nguyên".

Ngoài nghĩa thông thường ra, về mặt chiết tự, câu này còn khó ở cái ý: chấp chữ *quỷ* với chữ *đấu* thì thành chữ *khôi*. Không dễ mấy ai hiểu nổi thâm thúy của vé đối này.

Quỳnh tỏ ra thông minh hơn người, không đến nỗi như các trò kia, nghe xong, ngẫm nghĩ giây lát, ứng khẩu liền:

- "Con *mộc* dựa cây *bàng* dòm nhà *Bảng* nhân".

Ngoài nghĩa thông thường, vế đối này sánh được với vế thách về mặt chiết tự vì: chữ *mộc* chấp với chữ *bàng* thành chữ *bảng*. Đó là lối chơi chữ, đối chữ ngày xưa, thường để thử sức người học rộng và nhanh trí. Đối được câu thách đối của quan Bảng đây hóc hiểm, Quỳnh thấy nhẹ cả người.

Quan Bảng thấy Quỳnh chữ nghĩa xuất chúng, không phải hạng học trò học troẹt tầm thường, có tài ứng khẩu thành chương nên mừng lắm, đâm ra yêu vì, giữ chàng lại nhà nuôi cho ăn học. Thông minh, sáng dạ, biến báo hơn người, học một biết mười, trình độ tấn tới trông thấy, bạn bè đều phục là Quỳnh tài giỏi nhất lớp. Quan Bảng lại có ý muốn gả cô Điểm cho Quỳnh, mà Thị Điểm ra chiều cũng ưng thuận. Thật là "chim khôn đậu nóc nhà quan, duyên hay phận đẹp còn toan nối gì".

Được lời như cởi tấm lòng, Quỳnh thoả ý nguyện của mình, nhưng phải cái tính nghịch ngợm, hay chòng ghẹo. Thị Điểm thì lại là con người nên nã, nết na, ghét chuyện chột nhả, không thích những trò đùa dai của Quỳnh. Bản tính mỗi người một khác, tình thế này chưa biết câu chuyện sẽ dẫn đến đâu. Thế mới có nhiều giai thoại thú vị về hai người mà sau đây ta còn được mấy lần nghe kể. Cũng toàn là chuyện truyền ngôn, chả biết có thật hay không. Nhưng dân gian thì nói thế, tin thế.

ĐỐI ĐÁP VỚI THỊ ĐIỂM

Giai thoại làng văn còn kể một chuyện không biết hư thực thế nào: Thị Điểm như trên ta đã biết là con gái thầy học của Trạng Quỳnh, tính tình đoan trang, nét na, lại giỏi chữ nghĩa. Trạng Quỳnh say mê, nhưng nhiều lần phải ứng phó vì Thị Điểm hay ra câu đối trong những tình huống hết sức khó xử. Bên thì tám lạng, còn một bên thì chả biết có được nửa cân hay không.

Một lần Quỳnh ngồi đối diện với Thị Điểm qua cửa sổ, Thị Điểm nhân đó mới đọc một câu đối thử tài "ý trung nhân", câu đối thuộc loại khó:

Hai người ngồi song song hai cửa sổ (song là hai, song cũng là song cửa sổ)

Quỳnh gặp câu đối hóc búa đành lảng ra chỗ khác chịu thua. Vẫn nổi tiếng là có tài biến báo, nhưng lần ấy Quỳnh đành im thin thít như thịt nẫu đông.

Lần khác khi Quỳnh từ phố Mía về, Thị Điểm liền đọc trên ngay một câu làm Quỳnh chứng hững:

- Lên phố Mía, gặp cô hàng mật, cầm tay kẹo

lại hỏi thăm đường (kẹo tiếng địa phương còn có nghĩa là kéo lại).

Quỳnh ngẩn người, lúng túng một hồi lâu, lại chịu vì câu ra toàn những từ *mía, mật, kẹo, đường*, khó kiếm được từ để đối lại.

Bị thua mấy lần, Quỳnh tự lấy làm thẹn lắm, phen này quyết chí rửa hận, bèn dùng hành động áp đảo. Lợi dụng lúc trời tối, Thị Diễm vừa ra khỏi phòng có việc, Quỳnh lẻn vào nằm gọn lên giường Diễm. Thị Diễm về vô tình quờ tay phải, dọa sẽ mách thầy. Thị Diễm ra một vế đối bằng chữ Hán: *Trướng nội vô phong phàm tự lập* (trong trướng không có gió mà cột buồm lại tự nhiên dựng lên: bắt Quỳnh đối lại nếu không đối được thì sẽ cáo giác Quỳnh với quan Bạng về tội sàm sỡ. Buổi ấy Quỳnh đối được, vế đối lại bằng chữ Hán và cũng rất chuẩn: *Sàng trung bất vũ thủy trường lưu* (trong giường không có mưa mà nước vẫn chảy dài). Cả vế thách đối và vế đối đều tuyệt diệu cả về nghĩa đen và nghĩa bóng.

Lần khác, biết Diễm đang tắm trong phòng, Quỳnh xô cửa đòi vào. Thị Diễm lại ra một vế bắt đối; còn đe không đối được sẽ làm to chuyện:

Da trắng vỗ bì bạch

Lại gặp câu đối theo lối chơi chữ nửa Hán (bì bạch) nửa nôm (da trắng), Quỳnh đành chịu thua

lần nữa. Cũng may, Điểm bỏ qua cho, không hạch Quỳnh về tội sàm sỡ.

Lần cuối, nhân buổi hội xuân, Điểm cùng Quỳnh đi chơi. Thuận tai, Điểm hái một nhánh xương rồng bên đường, trao cho Quỳnh rồi đọc:

- *Cây xương rồng, trồng đất rắn, long vẫn hoàn long (rồng, rắn là từ nôm, long từ Hán nghĩa là rồng) nhưng tiếng Việt long có nghĩa là không chặt. Chữ nghĩa của câu đã khó. Còn ý tứ của người ra đối lại có cái sâu xa riêng. Ý ấy bóng gió cảnh cáo tính khí ngang ngạnh khó bề giáo hoá của Quỳnh. Buổi ấy, Quỳnh đã tìm được câu đối lại, chẳng những chỉnh về chữ nghĩa mà vẫn khẳng định tính cách ngang ngạnh của mình. Câu đối lại của Quỳnh cũng đầy ẩn ý như sau:*

Quả dưa chuột, tuột thẳng gang, thử chơi thì thử (gang là gang tay, gang tấc, còn là dưa gang; thử là thử chơi và chữ Hán: thử là chuột).

Tương truyền, sau lần đối này, Quỳnh và Điểm chia tay, không còn quan hệ với nhau nữa. Chẳng biết đó là chuyện văn chương hay chuyện ngoài đời, có bao nhiêu phần trăm râu ông nọ cắm bà kia. Hơn thế kỷ nay và chắc còn xa hơn nhiều thế, người ta vẫn truyền khẩu như thế, ghi chép thành sách như thế, kể hậu sinh chỉ làm việc sao lục, không dám thêm bớt.

CHỊU THUA

Chuyện Thị Diễm đối đáp văn chương với Quỳnh thì khá nhiều, mà thật ra bao lần có đối mà không có đáp, như câu đối đã dẫn "*Đa trắng vô bì bạch*" và những lần khác vừa kể trên đây.

Luôn luôn, Thị Diễm tỏ ra hơn phân Trạng Quỳnh. Có thể là Quỳnh kém cạnh thật, nhưng biết đâu - nói như bây giờ đó chỉ là thủ thuật "nịnh đầm" của Trạng. Nếu vậy, thì những lần xin được kể ra sau đây tã giải thích thế nào?

Quỳnh là người ưa tự do, lại mắc cái tật nhỏ nhỏ nhưng nghĩ cũng tức cười là... sợ chó. Một tối, Quỳnh được thầy học sai đi có việc, khi về trời đã muộn, cổng ngõ đóng kín cả, đàn chó dữ thấy người lạ tưởng kẻ trộm nên vừa xô ra, vừa sủa âm ỉ. Quỳnh ta luống cuống, phải trèo lên cây cậy ở góc vườn để thủ thân. Không dám xuống, Quỳnh cứ ngồi thu lu trên cây cậy mà réo gọi Thị Diễm ra mở cổng cho mình. Thị Diễm trở ra soi đèn mở cổng, thấy quang cảnh ấy phì cười.



Nhưng vội nghiêm ngay mặt lại, ra ý trách Quỳnh vui thú ở đâu đến nỗi khuya thế này mới chịu về. Đã vậy, phải đối được vế thách đối của Diễm, Diễm mới chịu mở cổng. Không đối được sẽ phạt chưa cho vào. Cứ nghĩ cái cảnh lần này Quỳnh mà thua cuộc, suốt đêm ngồi trên cây cây sòn dái, đủ khiếp.

Vế đối của Diễm như sau:

- *Thằng Quỳnh* ngồi trên cây *cây*, dái *đỏ hồng hồng*.

Ở đây có tên ba loại cây: *quỳnh*, *cây*, *hồng* lại có ý xỏ, Quỳnh đành tịt mịt, bị Diễm cho ôm cây đến nửa đêm mới nhốt chó cho vào nhà. Thật là không cái rui nào giống cái rui nào.

Lại một lần khác, tiết đông giá lạnh, mưa rầm rả rích, Thị Diễm đang ngồi trong nhà gói nem. Quỳnh lúc ấy xách chai vừa đi mua rượu về, mưa gió thì vẫn bốn bề sì sục, đường trơn như mỡ, Quỳnh đẩy người sũng nước như chuột lột dính đầy bùn đất.

Thị Diễm bảo Quỳnh lại gần, thương tình bảo chàng:

- Mưa gió thế này, có muốn nhắm rượu với nem thì ngồi xuống đây gói cùng nào!

Quỳnh ra ý làm cao, về ta đây bất cần, lại ứng khẩu thành câu đối:

Chả thích *nem*, chỉ thích *giò*.

Nhân câu nói của Quỳnh có nhắc đến ba món *chả*, *nem*, *giò*, Thị Diễm ra bộ tình tứ:

- Thế đối được câu này thì cho ăn *giò*.

- Thử xem! Sợ gì!

- Trời mưa, đất *thịt* trơn như *mỡ*, *giò* (lăn bước) đến hàng *nem*, *chả* muốn ăn.

Vế đối cực hiểm, đã *thịt* lại *mỡ*, đã *giò* lại còn *nem* với *chả*, toàn các món ăn nhà sang. Không biết "nịnh đầm" hay là kém phân thật, lần ấy Quỳnh lại chịu thua đủ dừ dừ.



CÂY RỄ RUỘNG BÀ CHÚA LIỄU

Thuở ấy Quỳnh còn là một anh học trò nhà nghèo, tối ngày phải kiếm ăn để sống lần hồi. Bà Chúa Liễu có nhiều ruộng, người coi đền vẫn cho dân làng cấy rẽ để hưởng lộc thánh. Được bà cho lộc, người đến xin cấy rẽ rất đông.

Một hôm Quỳnh ra đền, xin bà Chúa cho mình cũng được nhận phần ruộng cấy rẽ như mọi người.

Quỳnh khẩn cầu đầu đầy xong, xin gieo quẻ âm dương để xem ý bà Chúa thế nào. Gieo quẻ đầu, Chúa thuận lấy ngọn còn Quỳnh hưởng phần gốc. Quỳnh lăm bắm ra điều trách móc:

- Bà Chúa khôn thật, trồng lúa mà lấy ngọn thì Quỳnh hưởng gốc rạ à? Thánh gì có thứ thánh ăn người.

Quỳnh liền về nhà, không gieo mạ để trồng lúa nữa, mà trồng rất khoai lang.

Mùa ấy như lời hẹn trong quẻ gieo, Chúa Liễu đành ăn lá với ngọn khoai lang, còn Quỳnh thì hưởng củ.

Mùa tới, Quỳnh lại ra đền xin âm dương. Bà Chúa lần này "rút kinh nghiệm" bận trước, không lấy ngọn nữa mà phán truyền rằng lấy gốc cho chắc thắng.

Quỳnh liền tương kế tựu kế, mùa ấy đem ruộng trồng lúa. Bao nhiêu ngọn lúa Quỳnh thu hết về nhà đập lấy thóc, còn đóng cuống rạ cao ngồn ngồn thì mang vào sân đền nộp trả bà Chúa.

Bị hai phen thua mưu của Trạng Quỳnh, mùa này bà Chúa Liễu quyết chí ra tay, xem Quỳnh còn lồm nồm mình không. Thật là kẻ cấp bà già gặp nhau.

Thấy Quỳnh gieo quẻ, bà Chúa liền cho ứng lời truyền. Năm nay bà Chúa lấy cả ngọn cả gốc, còn khúc giữa cho Quỳnh để trả công Quỳnh cấy rẽ ruộng bà.

Nghe vậy ai cũng nghĩ là "trận" này Quỳnh đành bó tay, trồng khoai thì nộp củ, trồng lúa thì mất thóc. Thế còn nước non mẹ gì nữa. Phen này ắt Quỳnh trắng tay.

Vậy mà Quỳnh nhớn nhोर như không, cảm ơn bà Chúa lia lịa, rồi lững thững ra về, chuẩn bị vào mùa cấy trồng.

Mùa thứ ba này đi làm rẽ ruộng bà Chúa Liễu, Quỳnh trồng ngô. Đến kỳ thu hái, khúc giữa

thuộc về Quỳnh nên bao nhiêu bắp Quỳnh giữ lại, còn gốc với ngọn đem đánh đồng ở cửa đền, nộp cho bà Chúa Liễu như lời bà phán truyền khi Quỳnh gieo quẻ.

Bà Chúa Liễu thua Quỳnh liền ba keo, lấy làm tức lắm, nhưng chẳng có lý do gì bắt bẻ, bèn thu ruộng về không cho Quỳnh cấy rẽ nữa. Quỳnh cũng chẳng cần. Sau ba vụ thắng to đã có cái vốn khá. Quỳnh còn thiết gì cái đời trồng thuê cấy rẽ nữa. Chỉ có bà Chúa Liễu ngậm bồ hòn làm ngọt.



VAY TIỀN CHÚA

Một hôm Quỳnh vào đền bà Chúa Liễu, thấy trên bàn thờ bà Chúa Liễu có mâm tiền do khách thập phương cúng, liền nảy ý xin vay. Nhiều người có ý can nhưng không được, đành mặc Quỳnh làm theo ý mình.

Quỳnh thập hương rồi khấn lẩm nhẩm:

- Em độ này túng lắm, chị lại có dư tiền để không, nó phí đi, xin chị cho em vay, em mà buôn bán kiếm ăn được, sẽ chẳng dám quên ơn. Em xin âm dương nhé! Nếu cả hai đồng tiền cùng sấp cả thì em chỉ xin vay một phần tư mâm tiền, nếu ngửa cả là ý chị cho em vay một phần ba, còn chị mà thuận cho em vay một nửa thì xin chị nhất âm, nhất dương, một đồng sấp một đồng ngửa. Vâng, một sấp một ngửa là khéo nhất chị ạ?

Thấy kiểu cách Quỳnh bày đặt ra thế thì đành nào Quỳnh cũng vay được. Mà ý bà Chúa thì không muốn cho vay, vì biết là cho vay, Quỳnh sẽ không bao giờ trả, liền cứ làm cho hai đồng tiền

quay títt thò lồ trong lòng đĩ, chẳng sấp mà cũng chẳng ngửa, nhìn chổng cả mặt. Nhiều người đã thương Quỳnh thua mưu đàn bà.

Bất đồ Quỳnh vỗ tay reo:

- Tiền múa Chúa cười, thế là chị bằng lòng cho em vay cả. Chị tốt bụng quá, em biết lấy gì báo đền đây!

Nói xong, Quỳnh trút sạch tiền trên mâm cúng vào khăn gói. Mắc mưu Quỳnh bà Chúa phen này khéo sặt nghiệp.



TRẢ ƠN BÀ CHÚA LIỄU

Gặp khoa thi hương, Quỳnh ra ứng thí. Đường đi qua đền thờ bà Chúa Liễu, nhân tiện Quỳnh vào để nghỉ chân, xin lộc, và khấn Chúa phù hộ cho, đỗ thì xin trả lễ hậu.

Khoa thi ấy quả nhiên Quỳnh đỗ thật, Quỳnh nhớ lời hứa bèn mua hai mẹ con con bò để trả lễ bà Chúa Liễu.

Quỳnh khấn:

- Xin bà Chúa nhận lễ mọn của em. Chúa là chị, xin lễ con bò mẹ, còn con bê, em xin đem về khao dân làng.

Nói rồi, Quỳnh buộc con bò vào ngai Chúa, đoạn lững thững dắt bê đi. Bò mẹ thấy mất con lồng lên chạy theo, làm ngai Chúa đổ lồng chổng long gãy cả đầu rồng, cánh phượng. Quỳnh cười lớn, quay lại, đến trước bàn thờ vái dài, ha hả nói:

- Chị thương em nghèo, trả không lấy thì em xin đem về vậy. Trần đời chưa ai thấy rộng bụng như chị, ơn này xin để hai vai. Lượng cả như chị, đời này hiếm thấy.

Nói rồi Quỳnh liền dắt cả hai mẹ con con bò về, bụng đắc ý cười thầm. Chỉ khổ cho đến thờ bà Chúa Liễu ngổn ngang, tanh bành, khách thập phương xúm nhau sang sửa mấy ngày chưa xong.



LỄ CHÚA LIỄU BA BÒ

Chúa Liễu bị Quỳnh chơi một vố đau, làm đổ gãy cả tay ngai, giận lắm, mà bắt đền Quỳnh thì Quỳnh không chịu, liền làm cho vợ con Quỳnh ốm thập tử nhất sinh. Quỳnh phải ra đền khấn Chúa để xin giải hạn cho vợ con:

- Em có lỗi với chị, thì chị quở em, chứ vợ con em có tội tình chi mà chịu cái cảnh cháy thành vạ lây. Chị tha cho vợ con em, em xin lễ chị ba bò. Lần này em để ngoài sân chứ không dám buộc vào bàn thờ đâu, chị khỏi lo gãy ngai. Xin chị bớt giận làm lành!

Chúa Liễu nghe Quỳnh nói lễ những ba bò thì lấy làm mừng lắm. Chúa nhẩm tính chỉ cần bán một bò là đủ sắm cỗ ngai mới, vậy là còn được lãi những hai bò. Quỳnh lại hứa để bò ngoài sân, chứ không buộc vào ngai, khỏi lo xảy ra tai vạ như lần trước. Thôi được, sinh phúc cho nhà Trạng một lần nữa.

Khi vợ con khoẻ, Quỳnh ra đền, không thấy mang theo bò bê gì cả, chỉ đến trước ban thờ bà Chúa, "thành tâm" khấn rằng:

- Chị đã phù hộ cho vợ con em khỏi, em xin lễ

chị đủ "ba bò" ở ngoài sân, như em đã khấn bữa trước, không dám thất hứa, mang tiếng nuốt lời giao hẹn.

Nói rồi Quỳnh quay lưng lừ đừ trở ra, bò đủ ba vòng ngoài sân đền. Bò xong, Quỳnh phủi tay, đứng dậy ngoảnh mặt vào đền cười lớn:

- Thế là chị sướng nhá! Em lễ chị những "ba bò". Sướng nhá! Sướng nhá!

Rồi lững thững ra về, để lại đằng sau nỗi tức giận truyền đời của bà Chúa Liễu.



ÔNG NỢ BÀ KIA

Ở làng Quỳnh, có mấy người con cái các nhà bá hộ, lý trưởng, hương kiểng lúc nào cũng tấp tễnh cái đường công danh, cây cụt nhiều lần nhờ Quỳnh gây dựng cho. Vợ con bọn này cũng một giuộc, chạy chọt cho chồng để may ra cũng được lên mặt với làng nước. Một hôm Quỳnh ở Kinh về, sai người gọi họ lại, lên mặt quan dạy bảo:

- Dịp may đã đến, các ông có muốn làm ông nợ bà kia thì y lời đây. Ta nói sao thì cứ thế, cứ thế mà làm, không được điều nợ ý kia, nghe chưa?

Thấy vậy, tên nào cũng như mở cờ trong bụng, nhờ Trạng giúp cho, đâu dám nghĩ tới chuyện cưỡng lại ý Trạng.

- Được, các anh về thu xếp khăn gói rồi lại uống rượu với ta, mai theo Quỳnh này trải kinh sớm, vận may sẽ đến.

Anh nào anh nấy, lật đật chạy về nhà, vênh vênh vào vào ra điệu đắc chí lắm: "Phen này rồi khôi thằng chết với chúng ông".



Có anh về đến cổng thấy vợ đang đứng ở sân liền nói toáng lên, chẳng cần giữ ý gì với hàng xóm láng giềng:

- Muốn sướng đời ông nọ bà kia thì tập làm bà lớn đi! Dịp may nghìn năm có một đây, bà nó ạ!

Vợ hỏi, chẳng hiểu đầu cua tai nheo thế nào:

- Bao giờ thì làm được ông nọ bà kia mà khoe váng cả lên thế?

- Chuẩn bị khăn gói để mai ta trốn kinh sớm đây.

Nói xong, vội vàng đến nhà Quỳnh đánh chén. Uống say bí tỉ, hũ bầy hũ ba, mỗi anh nằm lăn một xó. Đến khuya, Quỳnh sai người nhà đem võng, võng anh này về nhà anh kia, võng anh kia về nhà anh nọ, anh nào cũng được trùm chăn kín đầu cho khỏi bị... gió dọc đường. Đến nhà, gia nhân Trạng Quỳnh nói dối các bà vợ rằng: Ông nhà say rượu ngộ cảm phải xoa dầu bôi thuốc ngay, đừng có đèn đóm chi kéo không kịp. Mà nhớ trùm kín chăn cho khỏi gió!

Các bà đang mơ màng giấc điệp, thấy vậy vùng cả dậy, mắt nhắm mắt mở, ôm xóc "chồng" ngay vào nhà, không kịp châm đèn đóm, rồi bôi vôi, rồi xoa dầu, lại trùm kín chăn lại để khỏi ngộ cảm, miệng lẩm bẩm: đúng là các bọm rượu khốn khổ! Nhờ phúc ầm tổ tiên có được làm ông nọ bà kia thì cũng lại tiền mất tật mang thôi, hay hóm gì cơ chứ!

Đến sáng, bà nào bà ấy lật chăn ra thì hoá không phải chồng mình, các bà ngẩn người còn các đứ ông kia cũng quá thẹn cúi gằm mặt cút thẳng. Về nhà mình, thấy vợ mình cũng ngẩn người, đỏ mặt tía tai, ông nào ông ấy vội nói ngay:

- Tưởng ông nọ bà kia là thế nào, té ra là nó... nó thế này! Tại mình chứ còn dám oán trách ai. Thôi, thôi, xin cách đến già. Chẳng ông nọ bà kia thì đừng! Hám danh cho lắm vào mà chuốc lấy cái nhục, tiếng dễ đời.



ĂN... THUỐC ĐỘC

Bên Tây có chuyện nhà văn Rabole một lần đến hải cảng Mácxây, khi công việc xong, cần trở lại Pari thì túi hết sạch tiền, không mua nổi một chiếc vé tàu thủy. Nhà văn Pháp nổi tiếng này liền nghĩ ra một mẹo:

Ông lấy đường kính gói làm ba gói, một gói để "thuốc độc để giết hoàng đế", gói thứ hai để "thuốc độc để giết hoàng hậu", còn gói thứ ba, "thuốc độc để giết công chúa".

Ba gói "thuốc độc" này được ông đặt trên nắp vali tại khách sạn, làm như sơ ý để quên trong khi xếp dọn hành lý.

Lập tức có kẻ báo cho nhà chức trách địa phương biết hành vi rất đáng ngờ này của người khách trọ mà hần tưởng là một tên tội phạm hình sự nguy hiểm. Thế là văn hào Rabole bị bắt và giải tức tốc về Pari cùng với tang vật thu giữ tại hiện trường.

Trước nhà chức trách của thủ đô hoa lệ, ông bị buộc tội âm mưu giết vua. Lúc ấy, Rabole mới tủm cười, thú thật mẹo vặt của mình:

- Tôi làm thế để được bắt giữ, nhờ vậy mới về được đến đây.

Ai mà tin được lời ông. Rabole liền mở ba gói "thuốc độc" và ăn một lèo hết sạch.

Lại tương truyền ở nước ta, có lần Trạng Quỳnh cũng sử dụng mẹo này để đi từ xứ Thanh xa xôi về Thăng Long.

Chuyện giống như Rabole đã làm, chỉ khác là Rabole chế thuốc độc bằng... đường kính, còn ba gói thuốc độc của Trạng Quỳnh thì mang đặc hiệu... cơm nguội. Rabole thì bị nhà chức trách Macxây bắt, còn Trạng Quỳnh thì bị một tên ấp trưởng phi báo cho quan quân về điệu đi. Rabole thì sắp bị kết tội âm mưu giết hoàng gia, còn Trạng Quỳnh thì suýt mang án dùng độc được mưu sát nhà Chúa, bà chính cung và thái tử. Rabole không có tiền mua vé tàu thủy, thì được giải về Pari bằng phương tiện nhanh nhất, còn Trạng Quỳnh thì từ một bộ hành nhẵn túi sắp chết đói, bỗng được đưa lên xe "tứ mã" để đưa gáp về Thăng Long gặp Chúa.

Thật là một sự trùng hợp lý thú đáng ghi lại.

TIÊN SƯ THÀNG BẢO THÁI

Một hôm, Quỳnh sai người ra chợ, đến các hàng thịt bảo họ rằng:

- Ngày mai, Trạng đặt tiệc thết đãi các quan, cần rất nhiều thịt, nhờ mỗi hàng bán cho mấy cân. Nhưng để cho kịp bữa khoản đãi các quan, hãy thái sẵn thịt, đỡ mất công người nhà phải làm, e chậm bữa!

Các hàng thịt hí hửng mừng thầm, vừa sáng sớm đã thái sẵn thịt để đấy, chờ người nhà Trạng đến lấy. Không ngờ đợi mãi, đợi mãi mà vẫn không thấy ai tới lấy, họ bèn kéo nhau mang thịt đến nhà Trạng, thì nhà... vắng tanh, chả thấy khách khứa đâu cả. Hỏi Quỳnh thì Quỳnh bảo không biết, chắc đứa nào nó xỏ Trạng, xỏ luôn cả mấy người hàng thịt đấy thôi. Như thế thì bắt đền Trạng đâu có được.

Nghĩ một lát, Quỳnh nói với mấy ông mấy bà hàng thịt:

- Đứa nào nó muốn lồm bà con đây, cứ réo thằng "bảo thái" mà chửi cho hấn chừa cái thói xỏ

lá ấy đi! Tiên sư thằng bảo thái, tiên sư thằng bảo thái, cứ thế mà chửi.

Bọn hàng thịt nghe phải, đứng giữa chợ chửi chòm, chửi lấp, tiếng chửi tục kia kinh động cả một vùng:

- Tiên sư thằng "bảo thái"! Tiên sư thằng "bảo thái"!

Bảo Thái là niên hiệu của vua. Thành thử vua được nghe một bữa chửi no đến mấy đời, mà không làm gì được.



XÔI HAI TRỨNG

Hồi Quỳnh đã thi đỗ hương cống, có một lần con Quỳnh bị ốm nặng, thuốc thang chạy chữa khắp nơi đều không thấy thuyên giảm. Người ta mách Quỳnh nên ra cầu khẩn thành hoàng làng thì thế nào đứa bé cũng qua khỏi bệnh trọng.

Có bệnh thì vái tứ phương, nên Quỳnh vốn chẳng tin gì thần thánh, nhưng cũng cứ ra khẩn với thành hoàng, xin chữa cho con mình. Lại hứa rằng, hễ con mình khỏi bệnh thì sẽ làm lễ tạ thật hậu, không dám vô ơn thành hoàng, mà mang tội bất tín.

Mấy ngày sau, chẳng hiểu vì lý do gì, con Quỳnh tự dưng khỏi bệnh thật, Quỳnh bèn sai người nhà luộc hai quả trứng gà; sau đó Quỳnh đem hai quả trứng ra đình làng, đặt lên bệ thờ thành hoàng, chắp tay trình trọng, rồi ứng khẩu đọc to một bài thơ khẩn như sau để tạ cái ơn đức sâu nặng của thành hoàng:

*Chú là kẻ lớn trong làng,
Ta là người sang trong nước.*

Đôi bên chức tước
Hơn kém gì nhau?
Con tổ ốm đau,
Phải ra khẩn vái.
Phiên chợ thì trái
Không mua được gà
Nhà có con kha⁽¹⁾
Mới vừa nhẩy ô,
Đành mang ra mổ
Nghĩ cũng thương tình,
Thôi chú có linh
Xơi hai trứng vậy!

Rồi Quỳnh để lại trên hương án hai quả trứng
gà và đứng đĩnh ra về, nét cười nhạo còn vằn lên ở
khoé miệng.



⁽¹⁾ Kha: gà (thổ âm Thanh Hoá).

TRẢ LỄ THÀNH HOÀNG

Sau trận con ốm, lần này lại đến lượt vợ Quỳnh nằm liệt giường liệt chiếu. Người nhà bổ nhau đi xem bói xem toán, về loan tin ầm lên là động thành hoàng, phải lễ mà ra đình lễ tạ.

Quỳnh nào có tin gì chuyện dị đoan nhảm nhí ấy, nhưng thương vợ rơi vào cảnh gần đất xa trời, nên cũng hạ mình ra cầu cứu thành hoàng. Khăn áo chỉnh tề, trong làn hương khói nghi ngút của đình, Quỳnh khấn rằng:

*Vợ nhà tố đau
Lần này giúp nhau
Xin hai con gà
Đem ra hậu tạ!*

Thành hoàng nghe vậy lấy làm mừng; lần trước hẳn chỉ tạ hai quả trứng, lần này thì những hai con gà. Được lắm. Thế là thành hoàng tưởng bỏ, tha tội chết cho vợ Quỳnh ngay tắp lự.

Vợ Quỳnh khỏi bệnh, người nhà nhắc Quỳnh làm lễ tạ. Quỳnh liền bắt hai con gà mới nở, đem

ra cắt tiết làm thịt.

Mọi thứ tim gan, ruột mề... đều được xếp vào đĩa chu tất cùng thịt hai con gà ranh. Ai nấy đều sùng sờ, có ý can ngăn.

Quỳnh làm mặt giận, gắt ỏm tỏi:

- Ta hứa lễ tạ hai con gà, chứ có khấn bố gà, mẹ gà đâu.

Chỉ thành hoàng là đau; chúng hững vì thua mưu Trạng.



XỔ GÁI CHANH CHUA

Có lần Trạng Quỳnh đi thăm thú dân tình, đến vùng Tuyên Quang (?) nghe thấy bàn dân thiên hạ nói ra nói vào về một bậc nữ lưu con nhà trưởng giả, đẹp người nhưng xấu nét, nhất là cái tính chanh chua thì không ai chịu nổi.

Muốn tận mắt diện kiến cô nàng, Quỳnh hỏi đường tìm tới gặp, đúng lúc cô nàng đang ngồi coi thợ gặt ngoài đồng. Tự xưng là một hàn sĩ, Quỳnh ngỏ lời xin nàng một ít lúa làm chút lương ăn độ nhật, theo đòi kinh sử. Cô ả vênh váo mặt mày ra vẻ ta đây, nhưng không cho Quỳnh lúa thì cũng không xong, bèn dẫu mỏ nói trống không:

- Là học trò hả? Đọc thơ nghe thử!

Quỳnh liền háng dặng, ứng khẩu luôn một bài:

Tuyên Quang, Hoằng Hoá cũng thì vua,

Nắng cực cho nên phải mất mùa

Lại đứng đầu bờ xin xổ chị...

Chị nữ lòng nào chị chẳng cho...!

Nghe xong chữ "nắng cực" cô ả đã then đở cả mặt. Lại còn "xin xổ... chị cho...", ối giời ơi, gặp phải tay chẳng vừa rồi. Cô ả từ đấy hết chanh chua.

BÀ BANH MẤT THIÊNG

Quỳnh nghe nói ở nơi ấy có một phong tượng đá tạc hình người đàn bà trần truồng đặt giữa đường đi lối lại, tay thì chỏ vào "cái ấy" được pho phang tròn vẹn. Ai qua đều cảm thấy sượng sùng.

Tương truyền pho tượng đá này thiêng lắm, gọi là tượng Bà Banh; khối người qua đây tỏ ý bất kính đều bị trừng trị. Vía dữ như hùm, danh hăm bốn phương đều sợ.

Quỳnh không tin là chuyện ấy có thật, một hôm tìm đến để xem có như lời thiên hạ tuyên truyền. Tục ngữ có câu: Trăm nghe không bằng một thấy; trăm thấy không bằng một sờ. Hôm ấy Quỳnh vừa nghe, vừa thấy, vừa sờ. Chẳng thấy Bà Banh giở ngón thiêng ra, hẳn vì hoảng vía. Trạng Quỳnh, hoặc chỉ là tin đồn thất thiệt, sợ bóng sợ gió cái Bà Banh lác lác này.

Để cho Bà Banh thật sự mất thiêng, Quỳnh trèo hẳn lên, phóng bút đề ngay vào cái thân hình trắng hếu của tượng bà một bài thơ nôm, yểm cho hết cái thói đồng đánh đàn hanh, hiệp đáp thiên hạ:

*Khen ai đeo đá tạc nên mày!
Khéo đừng ru mà đừng mãi đây?
Trên cổ đeo trăm chuỗi hạt,
Dưới chân, đừng tréo một đôi giày.
Ấy đã phát cờ trêu ghẹo tiểu,
Hay là bốc gạo thử thanh thầy
Có ngựa gài đây nhiều gốc dứa
Phô phang chi ở đám quân này⁽¹⁾*

Bài thơ đọc ở mấy chữ nói lái: *Đeo đá, Khéo đừng, Đếm đeo, Đừng tréo*. Quỳnh vừa đề xong, mồ hôi tượng đá toát ra như bị "tắm hơi". Từ đấy Bà Banh mất thiêng, người qua kẻ lại khỏi bị cái bệnh húng tình của pho tượng khoả thân làm cho khốn khổ!



⁽¹⁾ Chép đúng theo VĂN ĐÀN BẢO GIÁM, quyển I. Chữ trăm nghi là dăm.

TRÊN CÂM ĐIỆC, DƯỚI CŨNG CÂM ĐIỆC

Ở độ tuổi mười lăm, Quỳnh đã có tiếng là người thông thái, hiểu rộng biết nhiều. Thiên hạ có bảy bồ chữ thì đến năm bồ đã nằm trong bụng Quỳnh rồi. Người ta đồn thế. Nhưng Quỳnh ngán chuyện cử nghiệp. Mỗi lần ai giục lều chõng đi thi, Quỳnh đều gạt phắt. Bà con hàng xóm hối thúc lắm, Quỳnh đành ừ hử khất lần.

Bạn ấy, nề lòng thầy học, nề ý dân làng, Quỳnh đành ứng thí một phen cho phải phép. Năm đó nhà Chúa mừng sinh được con trai, các quan trường bèn nảy ý nịnh hót, bàn nhau ra đầu đề thi, nói về diêm lành của đất nước. Biết được ý ấy, Quỳnh nghiền ngẫm kỹ đề thi, rồi phóng bút viết nhanh một bài văn, trong đó có hai câu khái quát toàn bộ hiện trạng của đất nước, ý tứ bề ngoài như là ca tụng công đức của nhà Chúa và sự an vui của dân gian:

*"Quan tắc cổ, dân tắc cổ, đái hàm quan
Nghieu Thuấn chi dân"* (Nghĩa là: Quan cũng theo phép xưa, dân cũng theo phép xưa, đời ơn quan, dân được sống đời Nghieu Thuấn); và đối lại:

Thượng ung tai, hạ ung tai, ý đầu lai Đường Ngụ chi đức" (Nghĩa là: Trên cũng vui vậy thay, dưới cũng vui vậy thay, dựa vào đám đầu lai có đức độ thời Đường Ngụ).

- Hay quá!

Mới nghe một lần chúa Trịnh đã vỗ đùi khen, định chấm vào giải nhất. Quan chủ khảo đứng bên cạnh liền râu với nhà Chúa:

- Khải Chúa! Trong hai câu ấy, thần nghe có ý không thuận.

- Ông đa nghi. Ý hần ca tụng công đức nhà Chúa, có gì mà không ứng thuận.

- Khải Chúa, cứ theo nghĩa chữ Hán thì hai câu ấy hay thật, nhưng Quỳnh là loại thâm nho, hần đâu có chịu thú văn chương một nghĩa. Theo sự hiểu biết cạn hẹp của thần, hai câu ấy xuống theo nghĩa đồng âm trực tiếp, thì thần hãi lắm, không dám đọc lên để chúa thưởng lãm.

- Ta cho phép ông cứ nói!

- Khải Chúa, vậy thần xin nói, hai câu ấy có ý phỉ báng tảo tợn, đọc theo kiểu chữ nôm, rõ ràng là câu chửi tục.

- Chửi tục ta cũng nghe, cứ nói!

- Vậy thần mạo muội xin thưa: "Quan tắc cổ, dân tắc cổ" nghĩa là "*Trên cũng câm, dưới cũng câm*" (dạ, tắc cổ tức là câm, không dám nói đấy ạ!).

Thế nên "đái hàm quan Nghiêu Thuấn chi dân" tức là "đái vào hàm bọn quan lại dám bảo rằng dân chúng đang được sống thời Nghiêu Thuấn".

- Láo! Quỳnh láo thật!

- Chưa hết đâu. Khỏi Chúa! Câu sau còn hàm ý báng bổ hơn nhiều. Dạ, hấn bảo: "Thượng ung tai, hạ ung tai" tức là hấn diếc móc "Đứa trên thối tai, đứa dưới cũng thối tai (ung tai nghĩa là thối tai, tức là cả trên dưới đều lòi tai, là diếc đấy ạ). Diếc nên mới không biết rằng: "Ý đầu lai Đường Ngu chi sĩ" nghĩa là hấn bảo "lạ vào đầu lũ nha lại dám bảo rằng kẻ sĩ đang mở mắt giữa đời Đường Ngu".

- Láo quá! Láo quá! vậy nên thế nào?

- Khỏi Chúa! Hấn xác xược thế nhưng chẳng thể bắt được, vì trên giấy trắng mực đen không thể luận tội, chỉ nên đánh hồng. Việc ấy thì thần là chủ khảo tất làm được, xin Chúa yên lòng.

Thế là Quỳnh vẫn đi thi theo ý mọi người, nhưng không có "thèm" đỗ, chộc cho nhà Chúa một trận nên thân, còn mình thì lại bảo toàn được khí tiết.

THỪA GIẤY VẼ VOI

Trong một lần thi Hội, Quỳnh vốn không có ý ứng thí, nhưng vì Chúa Trịnh muốn Quỳnh đỗ Trạng nguyên nên cứ nài ép mãi, ông Giải nguyên Quỳnh đành nhận lời đi thi.

Lúc vào trường Quỳnh làm bài rất nhanh, văn chương chữ nghĩa bề bề, cứ cái đà ấy chân thủ khoa nhất định về tay Quỳnh. Nhưng Quỳnh dẫu ó thiết. Vì vậy, sau khi làm xong bài, đáng lẽ nộp quyển, thì Quỳnh lại tí toáy giở bài ra xem lại. Thấy bài thi còn một đoạn giấy trắng, Quỳnh liền chấm bút vẽ voi, vẽ ngựa nhăng cuội, rồi đề luôn mấy câu thơ ngẫu hứng:

*Văn chương phú lục đã xong rồi
Thừa giấy làm chi chẳng vẽ voi
Nhấn nhủ một lời cho chúng biết:
Đứa nào cười tở, nó ăn bòi!*

Quỳnh làm như vậy cốt cho phạm trường quy nhà Chúa và quan chủ khảo ắt phải đánh hỏng không cho đỗ.

Lúc ấy có mấy viên giám thị được phân công

coi khu vực đó, rình mò ngấp nghé xem Quỳnh làm bài. Quỳnh giả bộ không để ý, cứ hứng bút đề thơ. Khi thấy bài tứ tuyệt của Quỳnh xác xược đến thế là cùng, mấy viên giám thị học tốc đi trình báo cùng quan sơ, quan phúc. Quan sơ khảo và quan phúc khảo dò dẫm đến xem thử. Các ông cố ý rón bước nhẹ chân để không cho Quỳnh kịp phi tang, ai dè Quỳnh biết nhưng tảng lờ như không. Đợi đến lúc quan trường xúm đông xúm đỏ, Quỳnh mới đề thêm hai câu nữa đẩy ý giấu cọt, vịnh bức tranh voi vừa ráo mực, cũng là chửi đấm quan trường.

Voi mẹ, voi con lúc nhúc

Chú sơ, chú phúc rúc mà coi!

Cả bọn sượng sùng ra mặt, nhưng phải nháy nhau rút lệ. Voi của Quỳnh là voi vẽ, nhưng vẫn cứ là voi. Tránh voi chẳng xấu mặt nào, các quan bụng bảo dạ, chuồn thẳng.

Quỳnh xếp lều chõng lại, ngửa mặt lên trời cười.



THỐI KHÔNG NGỦ ĐƯỢC

Một lần, Quỳnh lại lều chõng đi thi, chẳng vì hám cái chân khoa bảng, chỉ ngạo đời cho thoả chí bình sinh. Vào trường thi, sau mấy hồi trống ra đề, Quỳnh đã nhấp nhóm không yên, buộc ống quyển vào người, tha thần đi đi lại lại, còn giả bộ nhâng nháo, coi chón trường thi nhộn nhạo như chỗ không người.

Quan trường vốn biết Quỳnh nổi tiếng hay chữ, lại ngờ Quỳnh nhoay nháy một lúc đã làm xong bài, nên mới hung nhăng phởn chí thế kia. Bèn hỏi Quỳnh, giọng phỉnh nịnh nhu hoà:

- Giỏi, nhà ông giỏi thật, đã làm xong bài rồi đấy, cho tôi xem thử được không?

Quỳnh từ tốn thưa:

- Mới xong mấy đoạn nhưng thối không ngủ được, ông xem làm gì cái thứ văn bài thối ấy cho diếc mũi.

Quan trường lại nghĩ là Quỳnh "mặc áo thụng khiêm tốn" nên càng xán lại gần, tán tụng thêm nghe thật mùi mẫn:

- Thối văn ông cũng thơm bằng chán vạn văn người khác. Cứ cho xem thử! Nhún mình mãi! Làm như tôi không biết ông là ai ấy.

Quỳnh càng được thể làm già:

- Đã bảo thối là thối, các quan mà cứ đòi mở xem thì bịt mũi không kịp đấy.

Lúc này đã có mấy vị quan trường xúm đến quanh người Quỳnh, kẻ giằng người kéo cái ống quyển. Bất đắc dĩ, Quỳnh phải đưa, nhưng giao hẹn:

- Tôi nói thật, nhưng các ông không chịu nghe, có sao đừng trách tôi đấy nhé!

Ống quyển của Quỳnh giống như mọi cái ống quyển bằng tre hay gỗ đựng bài thi của các thí sinh khác, nhưng Quỳnh đã có ý từ trước: hoà cút với nước dấm đổ vừa lưng ống, rồi bịt châu chấu thả vào, sau đó bịt ống quyển lại cho thật chặt. Nhận ống quyển của Quỳnh, các quan hí hửng moi xem, không dè nắp kín vừa bật ra, cả một đàn châu chấu bị nhốt lâu quá bay vọt lên, đậu vào tai, vào tóc, vào mũi, vào mồm các quan trường, mang theo mùi khai, mùi thối không chịu nổi. Cả đám nháo nhác, chạy không kịp. Chẳng ai dám trách cứ gì Quỳnh, vì Quỳnh nói thực mà cứ nài ép, không nghe. Thật đáng kiếp!

PHƠI SÁCH

Có lão trọc phú, một chữ bẻ đôi không biết lại làm ra vẻ học thức, thỉnh thoảng sang nhà Quỳnh hỏi mượn sách. Quỳnh chúa ghét lão này, nhiều lần từ chối không cho mượn, nhưng hắn cứ đánh bài bậy, ôm sách về, bày lên kệ để bịp thiên hạ.

Một lần, trời đang nắng, Quỳnh cời trần trùng trục đọc sách trong nhà thì lại thấy hắn mò đến. Tức lộn ruột, phải cho hắn một mẻ bở ghét, Quỳnh cất sách đi, chạy ra ngoài sân nằm lên chõng tre phườn bụng ra phơi nắng.

Lão trọc phú bước đến, Quỳnh cứ lim dim mắt nằm im, không buồn động cựa. Hắn toan bước vào nhà, nhưng không thấy Quỳnh ngồi dậy tiếp nên ngập ngừng đứng lại:

- Ông Trạng ! Thấy khách đến nhà mà không mời được một câu ư? Ông nằm giữa nắng thế, cảm đấy!

- Cảm sao được! Tôi đang phơi sách đây.

- Phơi sách?

- Phải, được ngày nắng đẹp, tôi đem phơi sách cho nó khỏi mốc.

- Tôi có thấy sách siếc gì đâu?

- Sách đầy trong bụng tôi đây này.

- À, à...

Lão trọc phú biết là bị đuổi khéo, giận ra mặt quay ra, định tâm trả thù.

Mấy hôm sau, cũng lại một ngày nắng đẹp, lão trọc phú cho người sang nhà Quỳnh, mời Quỳnh lại chơi.

Quỳnh biết là lão này giở quỷ gì đây, nhưng cứ sang. Y như rằng, vừa bước chân vào sân, Quỳnh đã thấy lão nằm dài trên chõng, phơi mang bụng phê, rốn to như cái chôn chén đang phơi nắng.

- Hôm nay ông lại hóng nắng cơ đấy!

Lão trọc phú đã định tâm xỏ Quỳnh, để trả thù lần trước lão sang chơi Quỳnh không mời vào nhà; nên cứ nằm im, thủng thẳng nói hết như câu hôm nọ Quỳnh trả lời mình:

- Phải, được ngày nắng đẹp, tôi đem phơi sách cho nó khỏi mốc, ông ạ!

Quỳnh đập luôn:

- Vẽ, bụng ông làm gì có sách mà sợ mốc, có sợ

cái đồng thức ăn không tiêu nó ợ ra thì có. Tôi chẳng nghe thấy tiếng chi hồ dã dã nào ê a trong bụng ông, chỉ toàn những tiếng óc ách của thịt cá ứ đầy đang tìm đường tháo cống.

Ngượng quá, lão trọc phú giờ hai tay che cái bụng phệ, đứng dậy mời Quỳnh vào nhà. Quỳnh chẳng vừa, vội cao giọng kiêu:

- Không dám, ông để cho khi khác, ông đang bận phơi sách kia mà.



TRẢ NỢ ĐÒ NGANG

Nhiều lần Quỳnh đi dò ngang qua sông, thường chịu tiền anh lái. Nợ mãi chưa trả, lâu quá hoá nhiều, Quỳnh lấy đâu tiền mà trả một lần cho xuể. Bí thế, một lần bị anh lái hỏi tiền dò. Quỳnh liền nghĩ ra một mẹo, bảo anh lái cứ yên tâm, chỉ vài hôm là xong nợ. Nói rồi, Quỳnh vượt lại khăn áo ra đi như không có chuyện gì xảy ra, bình tĩnh tính toán mọi việc trong đầu. Bẵng đi vài hôm...

Giữa sông có một cồn cát, bỗng sớm nợ thấy nổi lên ở đó một cái nhà nho nhỏ, dựng bằng tre nứa, lợp lá gồi. Không biết ai đã làm nhà ở đó chỉ biết chiều hôm trước chưa thấy gì, sáng sớm hôm sau đã thấy nó hiện ra từ tinh mơ. Thế là người ta tò mò, bảo nhau ra xem, lời đồn thổi khắp các đường thôn, lối chợ.

Muốn ra cồn cát chỉ có đường sông, anh lái dò chở khách mệt nghỉ. Mới đầu có mấy người ra trước thăm dò. Lạ thật, tỉnh không thấy ai, hay là chủ nhân đóng cửa nằm trong nhà. Ngoài cửa, một

cái biển viết mấy chữ bằng vôi trắng treo ngay ngắn: "Trạng đang lột... Cha đứa nào kể với đứa nào". Thế là họ về phao tin, rằng Trạng đang lột ngoài cồn cát, lại dặn nhau bảo kỹ lưỡng: "Cha đứa nào kể với đứa nào!". Ai cũng sợ bị chửi, nhưng chẳng ai giấu được miệng.

Người ra xem ngày một đông. Tò mò vốn là bản tính của phần lớn dân chúng.

Nhiều khi chả có chuyện gì cũng xúm đông xúm đỏ, đằng này lại là chuyện "Trạng lột" chứ phải bõn. Hết lượt này đến lượt khác đi dò ra xem, mới đầu còn là người làng người xã, sau đó cả tổng cả huyện cũng khối người kéo đến, chờ chục dò ngang, anh lái kiếm được vô khối là tiền, mãi mê quên khuấy cả chuyện đòi nợ Trạng hôm nào.

Bảng đi mấy ngày, người xem đã vãn, vì người ta biết rõ là bị Quỳnh cho "quả lừa". Anh lái dò vãn việc, chợt nhớ món nợ của Quỳnh, mới hỏi Trạng, cũng là vui miệng xem Trạng có phải loại người lời hứa gió bay không thôi.

- Ai nợ nhà anh, có anh nợ ta thì có. Nhờ meo của ta, anh kiếm được bao nhiêu là tiền, ta không đòi chia là tốt rồi. Ta cứ để cả tiền ấy cho anh, trừ vào tiền dò đi chịu sau này.

Anh lái dò hiểu ý, cười sung sướng cảm ơn Quỳnh rồi rút. Từ đây không bao giờ dám mở miệng nhắc nợ Trạng nữa.

NGỌC NGƯỜI

Vua dưới thời Lê Mạt chỉ là kẻ hữu danh vô thực, quyền bính nằm cả trong tay Chúa Trịnh. Hắn tham giàu, tham sang, lại ngu xuẩn, vợ vét công khố và tiền bạc của dân ních đầy kho Chúa. Vốn là kẻ hợm hĩnh, không biết cái tốt thì bày ra, cái xấu thì che đậy, hắn còn có ý khoe của.

Một lần nhân buổi dạ tiệc, Chúa Trịnh đem ngọc quý ra khoe, phô trương thanh thế và sự giàu sang của nhà Chúa.

Ngọc được đưa ra, các quan dự tiệc, phần lớn là bọn nịnh thần, nhân đây tha hồ tán tụng. Thôi thì đủ thứ giọng điệu, người người "nhả ngọc phun châu".

Có kẻ nói tâng:

- Ngọc của Chúa quý hơn cả ngọc rắn, ai mà mang bên mình thì người ấy có thể nghe hiểu được tiếng chim kêu, vượn hót, tiếng sâu kiến, bọ mọt, không loài nào còn giấu nổi, nữa là tiếng bọn thú dân.

Một giọng nịnh hót khác chưa chịu lời tâng bốc ấy là vừa, còn đưa nhà Chúa lên tít tận mây xanh:

- Ngọc của Chúa quý hơn ngọc rết, giữ ngọc ấy trong người, thương đao đâm chém không nề, hòn tên mũi đạn không bén thịt da, tha hồ xông pha trận mạc, tả xung hữu đột như ở chỗ không người. Có ngọc ấy trong tay, thiên hạ thái bình là chuyện dễ hiểu.

Lại có kẻ tỏ ra mình cao hơn mấy ông kia một đầu, tán phét mông lung:

- Ngọc của Chúa quý hơn ngọc ba tiêu, lấy ở trong cây chuối, phải ba nghìn năm mới có một lần. Mang ngọc này vào người, Chúa có thể phiêu diêu thoát tục, nhận rõ yêu ma, đến được cảnh bồng lai tiên giới.

Một lô một lốc những kẻ nịnh thần khác tán tụng đủ điều nào là ngọc ấy kỵ trần, kỵ hỏa, kỵ thủy... tức là nước, lửa xem khinh; quỷ thần còn phải sợ nữa là người trần mắt thịt.

Suốt từ đầu tiệc, Quỳnh chỉ ngồi ăn và nghe, không nói gì. Đến lúc được hỏi, mới thông thả bày ý nghĩ của mình:

- Khải Chúa, cứ theo ý thần thì trong vũ trụ không thứ gì quý bằng con người. Ngọc rắn, ngọc rết, ngọc ba tiêu có quý thật, nhưng ví sao được với ngọc người.

Chúa hỏi:

- Thế ngọc người nằm ở đâu?

- Bẩm, ngọc người thường nằm trong óc người. Nhưng chỉ kẻ nào thật ngu ngốc mới có ngọc ấy.

- Tại sao kẻ ngu ngốc mới có ngọc ấy?

- Bẩm, kẻ ngu ngốc mới có ngọc vì bao nhiêu tình khôn, tài trí không phát tiết được nên đúc thành ngọc trong óc họ. Còn như thần...

- Như khanh thì ngọc người nằm ở đâu?

- Như thần thì không có ngọc vì bao nhiêu tình hoa phát tiết ra ngoài hết cả rồi, còn gì mà hun đúc thành ngọc người cho được.

- Vậy bây giờ làm thế nào để kiếm được ngọc người? Ta muốn có ngọc người, Trạng giúp ta được chứ?

- Khải Chúa, thần thấy quanh người Chúa thượng bùng sáng hào quang.

Quần thần nghe Trạng nói, chưa rõ mô tê gì cũng vô tình hòa theo tán khéo:

- Bẩm, hào quang rực sáng quanh người Chúa thượng.

Chúa Trịnh sướng quá, càng ngênh ngáo tự đắc, đâu biết rằng Quỳnh đang xỏ mình, lại còn giục Quỳnh nói tiếp:

- Khải Chúa, sở dĩ quanh người Chúa thượng rực rỡ hào quang là vì viên ngọc người từ óc chúa

thượng phát ra. Chúa muốn lấy ngọc người thì chỉ nhờ quan ngự y tìm cách mổ óc là có liền.

Chúa phải cắn răng lại, nắm chặt hai bàn tay, để khỏi thét lên vì căm tức. "Hoa ra nó bảo ta ngu nên óc mới có ngọc! Thằng lão!". Bọn nịnh thần trợ cái mặt mo, không che nổi cơn thẹn thùng giúp nhà Chúa.



QUẢ ĐÀO TRƯỜNG THỌ

Một hôm trong cung, có người đem tiến vua một mâm đào gọi là "Đào trường thọ". Lúc ấy Quỳnh đang có mặt mới thủng thỉnh lại gần, lấy một quả, ăn trước đông đủ mặt vua và văn võ bá quan. Vua quả trách Quỳnh và truyền cho các quan nghị tội. Các quan chiếu theo luật "mạn quân" tâu phải chém. Mấy ông quan thì mừng ra mặt, thế là phen này Trạng hết giờ trò "bạo thiên nghịch địa". Quỳnh chẳng hề sợ hãi, quỳ xuống tâu rằng:

- Đình thần nghị tội hạ thần như vậy, thật là đúng luật, không oan, chỉ xin hoàng thượng cho hạ thần được nói vài lời rồi chết cũng thoả lòng thoả dạ. Số trời định sao, chả ai cưỡng nổi, chỉ xin có một chút "tâm thành" tỏ bày cùng bệ hạ.

Vua truyền:

- Ủ, muốn nói gì cho nói đi, rồi ta sẽ chuẩn tấu cho y án thi hành. Nghĩa tử là nghĩa tận, ta cho phép nhà ngươi nói lời cuối cùng.

- Muôn tâu bệ hạ, hạ thần có bụng tham sống,

sợ chết, nhất là lại sợ chết non. Thấy gọi là đào trường thọ, thêm quá, thần tưởng ăn vào được sống lâu như Bành Tổ, để được tận trung thờ vua. Ai ngờ nuốt quả trường thọ chưa khỏi ốm, cái chết đã đến cổ! Hạ thần trộm nghĩ nên đặt quả ấy là quả "đoản thọ" thì phải hơn, và xin vua trị tội đứa nào dâng đào để trừ kẻ xu nịnh, dối trá, gạt dưới lừa trên. Có vậy thần mới yên lòng nhắm mắt, không lo thiên hạ đổ kênh vì bọn phản trắc dối vua lừa dân.

Vua nghe tâu, bật phì cười và tha tội cho Trạng, tuy lòng vô cùng căm tức.



ĐÁ BÈO

Một bà Chúa có nhan sắc hơn người, nhưng phải cái tính kiêu kỳ, đỏng đảnh, đi chơi phố hễ gặp ai trái mắt là hô lính đánh đập vô tội vạ. Bà còn mắc bệnh hay tò mò, mỗi khi gặp chuyện gì lạ là hỏi rõ ngọn ngành cho bằng được mới chịu thôi.

Một hôm bọn lính tráng kiệu bà Chúa đi chơi qua chỗ Quỳnh ở. Trưa hè, trời nắng chang chang Trạng Quỳnh cố ý ra đón đường để chạm mặt bà Chúa nanh nọc lại có tính tò mò ấy bằng được. Quỳnh lội xuống cầu ao, té nước đá chơi, mấy đám bèو cứ quẩn vào chân Trạng làm cho Trạng bồng nảy ra một ý hay.

Kiệu bà Chúa đi qua, Trạng vẫn cứ hai chân đá bèو như thế, mặt thì ghéch lên nhìn bà Chúa .hư ý chọc tức. Bà Chúa giận lắm, nhưng không .hể vô cớ trách cứ, mà động vào Trạng đâu phải dễ, không khéo sẽ bị hổ to.

Thấy Trạng cứ vầy vò nghịch nước, nghịch bèو, bà Chúa sinh dạ tò mò, muốn biết nguyên cớ cái trò nghịch ngợm con tấuu ấy.



Bà liền giáo đầu một câu băng quơ:

- Ông Trọng làm gì, như là "nhớ ai ra đứng bờ ao" thế kia.

Trọng vờ không nghe thấy, cứ lẩn mẩn đá bèo làm cho bà Chúa không ghìm được cơn tò mò, lại hỏi tiếp:

- Ông rồi rồi lắm nhỉ, trưa nắng chày chày ra ao ngâm chân cho mát chắc?

- Vâng, chào bà Chúa. Tôi chẳng có việc gì thì ra đứng bờ ao, chưa thấy con nhện nào chăng tơ, thì bà đã đi qua, thật như mệnh trời xui khiến.

- Thế chân ông làm gì mà cứ khoắng nước bộn cả ao bèo?

- Vâng, *nắng cực* quá, Trọng *đá bèo* chơi cho đỡ cơn.

Bà Chúa võ vẽ đôi chút nghệ thuật nói lái của dân gian, bỗng then đỏ mặt, không còn dám tò mò căn vặn gì nữa, giục thị tỳ, lính tráng đi cho nhanh, cho khuất tiếng cười của Trọng còn vắng vắng sau lưng.

PHẬT SAY

Xưa có làng Thụy Chương, một làng nổi tiếng về nghề nấu rượu ở ven Hồ Tây. Rượu ở đây thơm ngon đặc biệt, người khắp vùng rất chuộng, thường đến buôn chuyến hoặc mua lẻ.

Ở mé trước làng Thụy Chương có một ngôi chùa nhỏ, tượng Phật khá nhiều, cảnh rất nên thơ, vẻ thiên không hơn mùi tục.

Nhưng đến đời Lê Trung Hưng chẳng hiểu vì lý do gì, chùa chiền ít được chăm nom nên hoang tàn, đổ nát, chỉ còn trơ lại một pho tượng Phật tay chống gậy, thân hình lổ lói, xiêu vẹo. Cả khối tượng Phật nghiêng ngả như một ông lão say giữa cảnh hoang phế u tịch.

Một hôm Trạng Quỳnh nhân qua đây, ghé vào làng mua rượu, thấy pho tượng Phật như vậy, bèn tức cảnh sinh tình, nảy mấy vần thơ đùa vịnh Phật, nguyên văn như sau:

*Ông đứng chi mà đứng mãi đây?
Ngheo nghiêng như tỉnh lại như say.*

Vãi nào đã chuốc cho ông rượu?

Còn nậm nào không cho tớ vay?

Tương truyền từ đó, dân làng và khách thập phương đều gọi tượng ấy là tượng Phật say.

Phật mà còn say thì rượu Thuy Chương chắc phải ngon lắm. Cũng là một cách "quảng cáo" cho nghề nấu rượu truyền thống của làng, và Trạng Quỳnh đáng mặt nhận "thù lao" hậu hĩnh.



GIẤU ĐẦU HỎ ĐUÔI

Một hôm, gặp ngày nóng nực, Quỳnh ra tắm ở đoạn hào quanh hoàng thành. Nhân lúc vắng người, Quỳnh cởi bỏ hết quần áo, cứ nồng nũng tắm trường cho nó thoải mái.

Bất đồ, quan quân đi đến, trông chiêm inh ỏi, lính tráng tiền hô hậu ủng, hò hét dẹp đường. Biết là có vua ngự qua, Trạng vội nhào lên bờ hào, cứ tổng ngồng như thế, lật đật chạy đến đám cây bên đường, rúc... vào bụi.

Nhưng cái mông trần như nhộng thì làm sao Trạng giấu đi cho được, đành cứ chìa ra ngoài, miệng Trạng còn kêu toáng lên như có đám ăn vạ.

Nhà vua thấy vậy bèn gọi Trạng lại gần hỏi. Trạng lại vẫn cứ tổng ngồng như thế mà đến gần bẩm tấu:

- Muôn tâu bệ hạ, hạ thần nghe bệ hạ ngự giá qua, chạy núp không kịp, đành cho nó... rúc vào bụi. Nhưng, giấu đầu thì hở đuôi, nên mới có sự bất kính này, xin bệ hạ xá cho tội phạm... thượng.

THẰNG NGOÀI... THẰNG TRONG

Có một lần vì chơi xỏ Chúa, Quỳnh bị Chúa phạt, bắt trối phoi giữa nắng. Phải tìm cách thoát cho được cái cực hình khủng khiếp này, Quỳnh bèn rắp tính đầu dây, rồi ngửa mặt lên trời mà cười, mới đầu còn cười tủm, về sau bỗng cười ré lên. Lúc ấy, Chúa đang ngồi trong cung, thấy sự lạ, liền ra ý tò mò hỏi Quỳnh cười gì mà cười góm thế. Quỳnh mím nhin một lúc, rồi thưa:

- Khỏi Chúa, thần nghĩ đến một chuyện buồn cười lắm ạ!

Chúa càng tò mò:

- Vậy thì chuyện gì, hay dở thế nào cứ nói ta nghe?

- Dạ, nói ra lại mang vạ vào thân. Thần chả dám thưa chuyện cùng Chúa, mong Chúa đừng hỏi nữa, thần lấy làm ngượng lắm.

Chúa một mực đòi Trạng phải nói, Trạng đành nói:

- Vậy thì xin Chúa cởi trối cho, thần mới nói được. Chúa y lời. Sợi dây trối cuối cùng rơi tuột

xuống sân, Trạng mới khép nép thưa gửi:

- Khải Chúa. Thần cứ nghĩ đến người đàn bà chữa... mà không nhìn được cười.

Nói xong, Quỳnh lại nắc nẻ làm cho Chúa không ghìm được cơn sốt ruột phải nói cắt ngang:

- Ủ, thì người đàn bà chữa, có gì mà cười.

Quỳnh càng dần dứ:

- Người đàn bà chữa... ngủ với chồng.

- Chả ngủ với chồng thì ngủ với ai?

Chúa dừng bắt tội thần mới dám nói.

- Trạng cứ nói, ta cho phép.

- Dạ, người đàn bà chữa... ngủ với chồng thì lạ lắm ạ!

Chúa bực bội vì cái trò ỡm ờ của Trạng lắm rồi, nhưng vẫn phải nén giận bảo Trạng:

- Thôi có gì thì Trạng cứ nói. Dẫu sao nữa, ta cũng không bắt tội Trạng đâu.

- Khải Chúa! Người đàn bà chữa ngủ với chồng thì, nói khí vô phép, chẳng khác gì thằng ngoài d... mẹ thằng trong, còn thằng trong thì bú d... thằng ngoài. Thần cứ càng nghĩ càng bật cười.

Nhà Chúa tím mặt, suýt nữa không ghìm được thì đã nổi trận lôi đình. Bị chửi thẳng vào mặt, Chúa đành im như thóc nhìn Quỳnh cười mà bụng đau như thắt.

GHEO CÔ HÀNG NƯỚC

Trong sách của ông Lãng Nhân có chép: một lần Trạng Quỳnh đã dùng thủ âm nặng nhẹ mà gheo cô hàng nước xứ Nghệ:

*Bán hàng nay cô đã mấy tuổi?
Nước cô còn nóng hay đã nguội?
Lũng lẳng trên đeo dăm nắm nem,
Lơ thơ dưới móc một buồng chuối,
Bánh rán bánh dầy đều xoa mỡ,
Khoai ngứa khoai lang cũng chấm muối.
Ăn uống xong rồi tiền chữa đủ
Biết nhau cho chịu một vài buổi.*

Bài thơ này chỉ cốt trêu cô hàng nước người Nghệ bằng cách đọc giọng Nghệ hai câu cuối cùng, nhấn ở hai chữ cuối câu: "chữa đủ" và "vài buổi".

CHÚA NGỦ NGÀY

Quá trưa một ngày hè, gió nam hây hây; Trạng Quỳnh tản bộ, dạo chơi qua phủ Chúa. Hồn thấy lâng lâng, tứ thơ chợt đến, Quỳnh định tìm tới hầu Chúa để thù tạc thơ văn. Nhưng quái lạ, phòng không cửa đóng, hỏi ra mới biết Chúa sang bên dinh bà chính cung. Đang cơn hứng thơ, Quỳnh chân bước dò theo đường Chúa, đến nơi, cửa trong cửa ngoài vẫn im ỉm đóng. Xăm xăm chân bước, Quỳnh bị cụt hứng trước cảnh đó, lại gặp cái nháy mắt ranh mãnh của tên lính hầu đứng cạnh gần đấy như ra hiệu điều gì. Quỳnh lại gần, hẩn ghé sát miệng thì thầm:

- Chúa còn ngủ với bà chính cung. Ông chó quấy rầy mà mất cái đội mũ như bỡn.

- Thì thôi, tao về vậy. Quá ngọ rồi còn gì. Đứng là gà trống chúa. Chỉ khổ lũ mái tơ.

Nhưng Quỳnh không về, mà quay lại dinh Chúa Trịnh, tiện bút nghiên để sẵn ngoài hành lang, viết lên tường mấy chữ nho rồi mới về nhà.

Lúc Chúa ngủ dậy ra công đường, thấy chữ chưa

đề ráo mực, hỏi ra mới biết là chữ Quỳnh bèn gọi các quan tả hữu đến bình luận. Cả bọn xúm xít lại bên Chúa, chuẩn bị những lời hay ý đẹp để tán nịnh.

Chúa phán bảo:

- Chữ này là chữ "*Ngoạ sơn*" ai cũng biết, nhưng chữ Trạng thường có nhiều ý, vậy lần này Trạng muốn nói gì? Ai biết cứ nói!

Có kẻ bảo chắc đầu đề một bài thơ trữ tình. *Ngoạ sơn* là *Nằm núi*, hẳn ý tứ hay lắm. Người khác lại bảo Trạng Quỳnh đâu có thật thà như thế, phải có nghĩa bóng gió gì đấy chỉ bằng mời Quỳnh đến cùng triều thần làm luôn một cuộc bình văn cho rôm rả.

Ý sau được Chúa tán thưởng. Thế là Quỳnh được triệu vào. Sau một hồi lục vấn, luận bàn thi phú, Quỳnh nói thật, không úp mở:

- Khái Chúa, chữ *Ngoạ sơn* phải giải theo lối liên hoàn mới thấy hết cái hay của nó. Quỳnh tôi xin được hầu Chúa. *Ngoạ* là *nằm*, *nằm* tất *ngủ*, mà *ngủ* thì phải *ngáy*. Vậy *ngoạ* là *ngáy*. *Sơn* là *núi*, núi nào mà chả có *đèo*. Vậy *Sơn* là *đèo*. Chắp ý nghĩa cuối cùng của từng chữ lại, ta có *Ngoạ sơn* là *ngáy đèo*. Còn *Ngáy đèo* theo cách nói lái thì là... Nhưng mà thôi, tục lắm, thần chả dám nói ra.

Từ nhà Chúa đến tên lính hầu đều nghĩ ra ngay *Ngáy đèo* là cái gì rồi, nên chả ai hỏi nữa. Kể thì cười phá, người thì cười thâm, cười ghen. Chuyện cho qua...

SÁCH QUÝ

Có một hoạn quan nổi tiếng nịnh thần, xăn xấn công việc nội cung, mắt dòm dỏ khắp nơi, hễ thấy gì là ton hót nhà Chúa. Hắn xét nét, gièm pha đủ điều để tâng công. Ai cũng ghét hắn, nhưng Chúa Trịnh thì rất yêu vì coi hắn là mẫu mực trung thần nghĩa sĩ. Quỳnh biết thế, chờ dịp ra tay cho hắn một mẻ che mo không kịp lấp mặt.

Hắn lại làm ra vẻ thích ngao du, hay qua lại nhà Quỳnh, đích thực chỉ là trò câu trệ sẵn mồi bắt bóng.

Quỳnh chờ dịp, thì dịp ấy đã đến.

Một hôm, ông quan hoạn ba bị hẹn đến thăm nhà Quỳnh, không nói rõ lý do và giờ giấc.

"Hắn tự đến nộp mạng. Được lắm, xin mời!" Quỳnh nghĩ bụng, rồi chuẩn bị ngay cuộc đón tiếp cho xứng đáng.

Ông này mỗi lần đến nhà Quỳnh, biết Quỳnh giỏi chữ nghĩa, nên gặp sách gì cũng giở xem, tỏ ra mình cũng là người thông thái, hiểu biết rộng thi

thư lễ nhạc. Thịnh thoảng lại chêm vài câu thi phú, chỉ toàn những loại trên bệc trong dẫu.

"Thế thì có sách quý cho ông đấy". Quỳnh lấy một tập giấy trắng đóng lại thành quyển sách rất đẹp, bìa quét cây bóng trơn, thoảng nhìn đã ưa mắt. Cả quyển sách để trắng, chỉ có một trang Quỳnh viết gì vẽ gì không ai biết, chỉ thấy loảng ngoảng, loảng ngoảng.

Thoảng thấy bóng quan thị lấp ló ngoài cổng, Quỳnh giả vờ đặt quyển sách trên án thư, tay thấm nước bọt tỉ mẩn giở từng tờ như đang tra cứu điều gì nghiêm túc lắm. Viên quan thị rón rén vào nhà, bước từng bước nhẹ nhàng. Quỳnh cứ mặc cho hấn đến gần, rồi bỗng nhiên như nhận ra có người lạ, gấp vội sách nhét vào trong áo giấu biến đi.

Quan thị thấy vậy, chắc mẩm phen này vớ được sách quý dâng Chúa. Sách không quý sao Quỳnh phải cất vội. Thế là ông ta đòi xem, lúc đầu còn ngọt nhạt, nhưng rồi ngọt nhạt mãi không được, ông ta nạt Quỳnh:

- Đã là sách quý thì Chúa phải được xem. Ông đừng có cưỡng lại mang tội trái ý Chúa.

- Tôi đâu có làm gì trái ý Chúa. Chẳng qua đây là loại sách nhảm, tôi đọc chơi, còn Chúa nào lại đọc thứ sách này, ông cứ nói cho nặng lời.

Viên quan thị càng nghi, nhảm là nhảm thế

nào, nhưng rồi nản nì mãi Quỳnh không chịu, ông ta đành tui nghỉ quay về cung, tâu Chúa.

Chúa Trịnh cho đòi Quỳnh sang hỏi. Quỳnh biết ngay lại chỉ có chuyện quyển sách, nên cho sách vào tráp khoá lại mang theo người để sang hầu Chúa. Y như rằng.

Chúa trách Quỳnh có sách quý mà không cho Chúa cùng xem. Quỳnh đặt tráp ngay ngắn dưới chân, chấp tay thưa:

- Khỏi Chúa, nào có sách quý sách lạ gì đâu, chắc viên thị thân tâu mạn với Chúa đó thôi.

Quỳnh lại làm như mình có ý gian, cứ chối quanh chối quẩn. Chúa càng tin, càng tra khảo dữ. Quỳnh đành nộp tráp để viên thị thân kia mở khoá dâng sách Chúa xem, nếu là sách can phạm thì chiếu theo luật nước trị tội.

Xem sách, Chúa chỉ thấy toàn giấy trắng là giấy trắng, mãi sau mới có một trang, chữ viết loằng ngoằng chẳng ra Nôm chẳng ra Hán. Chúa không đọc nổi, mới hỏi Quỳnh:

- Thôi ta chịu, nhà người đọc ta coi!

Quỳnh cầm sách, chưa chịu đọc, vì thật ra trên trang giấy trắng Quỳnh chỉ nguệch ngoạc loằng ngoằng, chứ có phải chữ nghĩa gì đâu. Nhưng chuyện ấy khỏi lo, chữ nghĩa đã sẵn trong đầu Quỳnh rồi. Đợi Chúa thúc năm lần bảy lượt Quỳnh mới đỏ mặt nói:

- Khái Chúa! Bậy lắm ạ, sách nhầm mà đem đọc ra chỉ bản tai Chúa.

- Cứ đọc!

- Vậy thần xin đọc

Chữ nghĩa từ trong đầu Trọng tuôn ra:

- Chúa vị thị thần viết: Vi cốt tứ dịch, vi cốt tứ dịch. Thị thần quy nhi tấu viết: Thần phùng chỉ phát, thần phùng chỉ phát".

- Nghĩa là gì?

- Khái Chúa, câu này thần không dám dịch trước mặt Chúa, xin ra ngoài nói riêng với quan thị, rồi ông ta sẽ tâu Chúa nghe sau ạ.

- Thôi được. Vậy cho hai khanh lui!

Viên hoạn quan kéo Quỳnh ra một góc vườn như ý dàn hoà:

- Có thể mà ông cũng phải giấu giấu giếm giếm.

- Tôi không muốn ông bị bề mặt. Chả nhẽ tôi lại dịch đúng ý câu ấy ra trước mặt Chúa. Bây giờ chỉ có tôi với ông, tôi nói để ông thấy nhé. Đúng là sách nhầm mà.

- Tôi đang nghe ông đây!

- Câu ấy có gì là khó. Ông cứ lần theo nghĩa chữ Hán sẽ hiểu. Câu ấy đại khái như thế này: "Chúa hỏi thị thần rằng: Làm xương cho sáo, làm xương cho sáo. Thị thần quỳ mà tâu rằng: Tôi may

ngón tóc, tôi may ngón tóc". Thật là sát từng chữ đấy ông ạ!

- Thế thì có gì mà ông không dám dịch ngay trước mặt Chúa, lại phải kéo tôi ra ngoài này thăm thì, to nhỏ.

- Ông ơi, không thăm thì to nhỏ mà oang oang được sao. Này nhé, cái nghĩa ẩn của nó là thế này. Ông biết nói lái chữ: "Chúa hỏi thị thần rằng: *Làm xương cho sáo, làm xương cho sáo* tức là *Làm sao cho sướng, làm sao cho sướng?* Thị thần quỳ mà tâu rằng: *Tôi may ngón tóc, tôi may ngón tóc* tức là *Tôi móc ngón tay, tôi móc ngón tay*. Thôi, nói đâu bỏ đấy, chào ông tôi về.

Viên quan thị cấm mặt xuống đất đau như bị hoạn lần thứ hai.



ĂN TRỘM MÈO VUA

Nhà vua có một con mèo quý lắm, xích vàng đeo cổ, thức ăn thì toàn cao lương mỹ vị. Ngày cũng như đêm, mèo ta ở liền bên long sàng, được vua vuốt ve, ấp ủ. Của vua thì cái tình tình tình gì mà chẳng quý. Mèo vua sống ngang đại thần, kể gì dân tình đói khổ, nhếch nhác.

Quỳnh ngứa mắt, liền đánh cắp mèo đem về nhốt kín một nơi, tháo phắt xích vàng, thay dây buộc. Mấy ngày sau, đến bữa, Quỳnh đặt trước miệng mèo hai đĩa thức ăn: Một đĩa toàn cá thịt trộm cơm trắng, mùi thơm bốc lên ngào ngạt; một đĩa chỉ có cơm nguội trộn với xương cá, lá rau nhạt thếch. Bụng bị đói mấy ngày, mèo xông vào ăn, nhưng hề xông đến đĩa thức ăn ngon, thì Quỳnh lấy roi quất. Lâu lâu thành lệ, cứ đến bữa, mèo ta biết phận, lùi lũi đến đĩa cơm trộn xương cá lá rau mà ăn, không dám bén mảng đến đĩa thức ăn ngon nữa. Luyện xong thuần thục, Quỳnh thả cho mèo ra vào tự do, không cần giữ gìn giấu giếm chi cả. Mèo quán chủ, suốt ngày quanh quẩn bên Quỳnh.

Lại nói nhà vua, thấy mất mèo quý, vừa giận, vừa tiếc, sai lính truy tìm khắp kinh thành mà chưa thấy. Một hôm nghe đồn Quỳnh có con mèo đẹp, giống hệt con mèo nhà vua bị mất, liền truyền gọi Quỳnh đem mèo vào chầu để tận mắt trông thấy, xem lời đồn hư thực thế nào. Quỳnh thế cưỡng không được, phải nghe lệnh truyền. Bị vua lục vấn hồi lâu, Quỳnh một hai chối đây đấy mèo này không phải mèo vua mà là của mình, nhưng vua nào có tin. Cuối cùng Quỳnh phải tấu trình dài dòng cho vua tường tận mọi lẽ:

- Bẩm tấu, mèo trong thiên hạ thiếu gì con giống nhau, khác chẳng chỉ là ở cái nét. Mèo vua thì quen ăn sang, xơi toàn của ngon vật lạ; còn mèo nhà dân chỉ sống nhờ chút cơm thừa quấy quá nếu vua không tin xin cho thử, nếu nó ăn thức ăn sang thì đúng là mèo vua, nếu nó chỉ ăn đồ hèn thì là mèo của thần. Kẻ hạ thần thiết nghĩ chỉ có cách ấy mới làm sáng tỏ được ngay gian, tội oan khuất của hạ thần mới giải được.

Nhà vua bằng lòng thử, cho bày hai đĩa thức ăn sang hèn cách bực. Mèo ta quen lệ đi đến đĩa cơm hèn ăn một cách ngon lành! Quỳnh vỗ tay cười lớn:

- Ấy, mèo của dân hèn thì thế đấy!

Nói xong, Quỳnh ngang nhiên ôm mèo về, vua biết là Quỳnh lừa vẫn phải im lặng không nói.

CHƠI GÀ

Trong phủ Chúa có lũ quan thị không biết thẹn thùng vì cái thân bị thiến, còn ra vẻ hống hách, lên mặt hào hoa phong nhã, lại có tính thích chơi chơi gà. Chúng nghe đồn Trạng Quỳnh có con gà chơi hay lắm, thắng được gà của sứ Tàu, bèn ôm gà đến thách đấu. Trạng ghét mặt lũ quan hoạn, chối là không có gà, bọn chúng nhất định không nghe, cứ nài ép bằng được. Tức quá, Trạng nhận lời hẹn sáng mai đem gà đến "tỷ thí" một phen cho chúng biết thế nào là "lễ độ". Không cho lũ quan hoạn một trận, chúng còn vậy vo.

Bên nhà hàng xóm có con gà trống thiến. Trạng Quỳnh nói khó mượn về, hẹn sẽ trả lại, nếu chẳng may có sao cũng đừng lo, sẽ đền bù xứng đáng.

Sáng hôm sau, vừa mới bảnh mắt, bọn quan hoạn đã y hẹn mang gà tới: Trạng thả gà thiến ra đấu, mới chưa được một hiệp, gà chơi của các quan thị đã cắn ngay một cựa sắc vào điều chú gà trống thiến của Trạng. Con gà thiến lăn quay ra chết đứt đự.

Bọn quan hoạn vỗ tay, long ngọng reo hò đắc thắng:

- Thế mà người ta cứ đồn là gà Trạng chọi được gà sứ Tàu, giờ mới biết thực bất hư truyền! Thiên hạ rõ khéo đặt bày!

Trạng lăm bầm không cãi lại, chỉ chậm rãi xin thua mấy lời cho phải phép; cũng là để giải bày tâm sự của kẻ thua trận:

- Vâng, các ngài nói chí phải, trước kia gà tôi chọi quả là có hay thật, gà của sứ Tàu từng bị bạt vía kinh hồn, nhưng từ khi tôi thiến nó đi, thì nó đâm đồ đốn ra thế này. Các quan còn lạ gì giống gà thiến bất lực.

Nói đoạn, Trạng ôm gà mà nức nở than trong nước mắt:

- Khốn nạn thân mày, gà ơi là gà, nếu mày biết cái phận mày là đồ không dái mà chịu trước đi, đừng đua đòi này nọ, thì đâu đến nỗi thảm nhục thế này. Lại còn ngứa nghề đánh đấm cho khổ thân! Tôi, mày chết, cũng đáng. Còn ai thương cái đồ bị thiến, bị hoạn ấy nữa.

Bọn quan thị nghe nói chàm nọc, xấu hổ ôm gà chuồn thẳng, bụng tức tưởi, mà chẳng dám hé răng, sợ bị Trạng lại bồi thêm cho mấy vố nữa, chắc còn đau hơn hoạn.

MÂM ĐÁ

Nhà Chúa ngày nào cũng lu bù yến tiệc, bụng Chúa toàn cao lương mỹ vị, đâm ra mắc một chứng bệnh kinh niên rất khó giải thích, ăn thứ gì cũng không thấy ngon miệng, bụng lúc nào cũng lửng lửng, không biết đói là gì.

Một hôm Chúa phàn nàn với Trạng, xem Trạng có biết lý do vì sao không. Nghe nhà Chúa hỏi, Trạng im lặng hồi lâu ra chiều nghĩ ngợi, rồi đột nhiên bầm:

- Khái Chúa, đã bao giờ Chúa được xơi món mâm đá chưa?

- Mâm đá? Ta chưa lần nào nghe nói, nó là thứ gì Trạng có thể kiếm cho ta ăn thử không?

Trạng Quỳnh chấp tay thưa:

- Chẳng có gì khó, Quỳnh tôi sẽ xin đáp ứng. Đó là một món ăn tuyệt trần, nhưng nấu nướng khá công phu. Vậy sáng mai, thần xin được đón Chúa tại nhà thần để mở tiệc mâm đá.

Hôm sau, Chúa đến nhà Quỳnh từ sớm tinh

mơ, hí hửng đợi ăn món mâm đá từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ chưa từng nghe ai nói. Quỳnh cứ để Chúa ngồi chờ, còn mình luôn tay luôn chân lụi hụi bếp nước, ra điều vất vả lắm.

Đợi mãi, đợi mãi, đã sắp qua Ngọ mà Chúa vẫn chưa biết mùi vị món mâm đá ra sao, trong khi cái bụng đã đói thất, cứ cồn cào đòi ăn. Giục Trạng thì Trạng một mực bầm bầm dạ dạ, không ra ý sốt ruột, mà cũng chẳng phân bua.

Chúa đành hỏi Trạng:

- Sao lâu thế mà bụng ta thì đói lắm rồi.

- Quả là lâu thật, thần đã nói muốn có món này phải kỳ công lắm. Người nhà dẫu, trong lúc chờ món mâm đá dâng Chúa, dọn cơm để người ăn tạm, bay!

Gia nhân y lời, đã được Trạng dặn từ trước bưng lên một mâm sơn, trên mâm chỉ vền vện có liễn cơm, đĩa rau muống và một hũ sành đựng gì không biết. Đang đói, Chúa ngồi vào mâm liễn, nhìn thấy cái hũ sành có dán một mẫu giấy đỏ đề hai chữ nho viết thảo: *Đại phong*. Trạng rót món "đại phong" ra bát rồi mời Chúa thưởng thức bữa cơm nhà dân do chính tay mình chuẩn bị.

Không ngờ, rau muống chấm với cái nước gì mà ngon thế, Chúa ăn thấy "khoái khẩu", bắt xới liễn mấy bát. Bụng đã căng rồi, Chúa mới hỏi Trạng giọng mềm mỏng ra ý khen ngợi:

- Chắc đây là món mâm đá? Ta ăn ngon miệng hơn mọi thứ sơn hào hải vị trên đời.

- Khỏi Chúa, đá thì làm gì có mâm, mà mâm đá có non đến đâu cũng chẳng bao giờ ninh cho dù mà ăn được. Chẳng qua, hàng ngày Chúa ăn nhiều thứ nem công chả phượng... nên sinh đầy bụng, đâm biếng ăn. Hôm nay, thần để Chúa chờ lâu, không được xơi món mâm đá chẳng bao giờ có ấy, nên Chúa đói bụng, thêm ăn, vậy thôi. Thần thật có tội, mong...

Chúa gạt phắt lời Quỳnh:

- Đó không phải lỗi của Trạng. Ta hiểu ý Trạng rồi. Nhưng cái món *đại phong* không phải là mâm đá thì là cái gì?

Quỳnh giải thích luôn một thôi một hồi:

- Dạ, cũng chẳng có gì bí hiểm cả. *Đại phong* chữ Hán có nghĩa là *gió to*.

- Có cái đó thì ta biết: *Đại phong* là *gió to*.

- *Gió to* ắt *đổ chùa*, *đổ chùa* thì *tượng lo*, *tượng lo* nói lái là...

Chúa cười khoái trá quên cả nghi thức:

- Ha, ha, ha, *tượng lo* là *lộ tương*. Giỏi lắm, đáng mặt Trạng. Cái món "đại phong" này mới tuyệt hảo làm sao!

LẠI TRUYỆN TRẠNG QUỲNH, THỊ ĐIỂM

Sứ bộ nhà Thanh trên đường về kinh đô ta, bữa ấy đến một bến sông. Để đối phó với lũ giặc thiên triều, Quỳnh nhận lời vua Lê đứng ra thu xếp mọi chuyện. Phải cho chúng kinh hồn táng đờm ngay từ khi đặt chân lên đất này.

Thế là bà Thị Điểm được Quỳnh "phân công" đóng vai cô hàng nước ở ngay bãi sông, còn mình thì nhũn nhặn làm anh lái đò chờ sẵn dưới bến. Mọi sự sắp đặt đã đâu vào đấy, chưa biết binh tình thế nào?

Chợt sứ nhà Thanh qua quán nước bà Điểm; thấy cô hàng xinh quá, lại ăn nói dịu dàng, đoan trang thủy mì, mới ra điều văn chương thơ phú, thả lời ong bướm gió giảng:

Nam bang nhất thốn thổ.

Bất tri kỷ nhân canh

Nghĩa là: "Một tấc đất nước Nam không biết bao nhiêu người cày". Ý nói mĩa đàn bà xứ ta lẳng lơ, dĩ thoã.

Bà Diễm không vừa, đang bồm bẻm nhai trầu,
bèn quệt mồm nói sổng:

*Bắc quốc chư đại phu
Giai do thử đồ xuất*

Nghĩa là: "Bọn quan to, ông lớn ở Bắc quốc đều
từ cái chỗ ấy mà ra". (Ý còn mỉa mai hơn câu trên
của sứ nhà Thanh).

Cả sứ bộ nhà Thanh chột dạ, giật mình. Cái xứ
này thật kỳ lạ, một cô hàng nước tầm thường mà
tài học đã vào loại xuất chúng. Chúng tui nghĩu bỏ
đi, cố không dằn mặt, và tránh đối thoại cho khỏi
bẽ bàng.

Đến chỗ bến sông, sứ bộ lên đò sang ngang.
Anh lái niêm nở, chở họ qua sông. Bị cô hàng nước
cho một "chuồng" chưa kịp hoàn hồn, có anh bụng
tức anh ách, ghìim không được, làm đánh bùm
một cái giữa thuyền sứ bộ. Vậy mà còn lên mặt
chữa thẹn bằng một câu văn vẻ, như ra ý khinh
thường nước An Nam này đất không đủ rộng cho
nó đánh rầm:

*Lôi động Nam bang
(Sấm động nước Nam)*

Trạng Quỳnh đã nhập vai lái đò, khỏi cần giữ
ý tứ gì, vạch quần dài cầu vồng xuống sông, rồi đọc
xổng một câu đối lại:

Vũ qua Bắc hải
(Mưa qua bể Bắc)

Mới chạm trán một cô hàng nước, một anh lái đò mà sứ bộ nhà Thanh đã thấy ngán ngẩm đầy bụng "Tieu nà ma cái nì: sao xứ này lắm người tài!".

Trong bấy nhiêu giai thoại về quan hệ giữa Trạng Quỳnh và Thị Diễm được truyền lại qua bao đời cho đến ngày nay, phải chăng chuyện này là phổ biến nhất, cũng lý thú và ý nghĩa nhất?



BỆNH SĨ

Sứ bộ nhà Thanh đường xa rong ruổi, một ngày đến cửa kinh đô ta, không biết do mệt mỏi hay vì nguyên cớ gì, cứ dùng dằng ghìm ngựa không chịu vào. Ai cũng lấy làm ngờ chưa biết sự thể thế nào.

Hỏi ra mới biết các quan thiên triều mắc bệnh sĩ, không chịu chui qua cửa thành có đắp bốn chữ đại tự: "An Nam quốc môn". Xem chừng chủ khách chưa hiểu ý nhau.

Đường đường là sứ thần của thiên triều, lẽ nào các quan nhà Thanh lại chịu lép vế. Chúng hợm hĩnh đòi vua ta phải bắc một chiếc cầu vòng vượt trên cổng "An Nam quốc môn", thì chúng mới chịu vào thành. Thâm ý đã rõ, chúng muốn làm bố thiên hạ, chứ chẳng chịu ngang hàng với ai.

Một số người bên ta đã có ý núng. Biết chuyện, Trạng Quỳnh hứa sẽ ra tay cho bọn chúng chữa cái bệnh sĩ cố hữu ấy. Lùi một bước, chúng sẽ tiến thêm bao nhiêu bước không chừng. Quỳnh dặn mọi người cứ thế cứ thế, rồi ai vào việc ấy.

Quỳnh đóng vai một anh lính hầu cầm cây quạt lông dài, theo đoàn ứng xử của ta ra ngoài cửa "An Nam quốc môn" để tìm cách hoà đàm. Nói thế nào chúng cũng giữ ý cũ, không chịu vào thành qua cửa đó. À, chúng mày định cà khịa hả?

Đã thế thì Quỳnh này phải ra tay thôi. Chợt nghĩ chợt làm, mọi việc như đã được sắp sẵn. Cứ thế, cứ thế. Quỳnh giúi cái quạt lông đang phe phẩy hầu sứ vào trán một tên cuỡi ngựa đầu đoàn, quạt giúi mạnh đến nỗi hấn loạn choạng suýt ngã bổ chửng trước "An Nam quốc môn".

Tức quá, vị đoàn viên sứ thần nhà Thanh này lao ngựa đến, định cho tên quân hầu An Nam mọi rợ kia một trận nhừ tử. Ai dè, Quỳnh bất đồ vọt chạy, đầu còn ngoảnh lại lúc lắc như chọc tức thêm. Cả đoàn sứ Tàu ủa theo để đuổi bắt tên gian tế dám có hành vi hỗn láo với sứ thần thiên triều.

Voi ngựa bên ta, nhân cơ hội ấy cũng quay hướng bám sau quân lính, hò hét inh ỏi và lao theo, như ý giúp sứ bộ truy nã kẻ tội phạm. Hỗn độn một hồi, cả đoàn sứ thần đã tọt qua cửa thành vào sâu bên trong lúc không biết. Đã chui vào chả lẽ lại chui ra để mất "sĩ diện" thêm lần nữa, chúng đành phải vào triều kiến vua ta

Từ sau lần ấy, bệnh sĩ của chúng có thuyên giảm đi được phần nào chăng. Hay rồi vẫn chúng nào tật ấy.

THI VẼ

Sứ Tào sang ta vốn là tay vẽ giỏi. Một hôm, trước mặt nhà vua và các triều thần, ông ta khoe với Trạng Quỳnh:

- Trạng có dám thi hoạ trước nhà vua không? Chỉ nghe ba tiếng trống mà đã vẽ xong được một con vật thì ta phục tài.

Quỳnh bĩu môi, coi chuyện ấy chẳng ra gì:

- Nghe một tiếng trống mà vẽ xong mười con vật như tôi mới tài, chứ nghe đến ba tiếng trống mà ngài chỉ vẽ xong có một con thì có gì là tài. Thế mà ngài cũng thách đố, chả bõ để thiên hạ cười.

Sứ Tào nghe vậy tức lắm, cho là Quỳnh nói khoác, thách Quỳnh thi vẽ. Quỳnh nhận lời ngay.

Cuộc thi bắt đầu. Nghe đánh tiếng trống đầu tiên, sứ Tào đã cầm cổ vẽ, trong khi Quỳnh vẫn nhón nhơ như không, chẳng thém nhúng bút. Nghe tiếng trống thứ hai, Quỳnh vẫn ngồi chơi dàng hoàng như không biết đến cuộc "tỉ thí" sắp đến hồi kết. Đánh tiếng trống thứ ba, Quỳnh mới

nhúng liền mười đầu ngón tay vào nghiên mực, rồi phết lên giấy mười vệt dài lòng ngòng và bảo là mười con giun, đặt trước mặt sứ Tàu.

Trong lúc ấy, sứ Tàu chưa vẽ xong con gì cho ra con gì. Nhờ tài mưu trí, Trạng Quỳnh đã thắng cuộc. Mặt sa sâm, sứ Tàu ửng họng, hẹn một dịp khác sẽ rửa mối hận này. Hắn bấm bụng, bỏ đi.



CHỢI TRÂU

Sứ Tàu khi sang ta, có dắt theo một con trâu chọi rất to, giống Tây Tạng, bốn chân to như bốn cái cột đình, lông cứng như lông nhím, mắt ngầu ngầu ngấn lửa. Nó rất khoẻ và hăng máu, sứ Tàu thách trâu ta chọi thi, để rửa mối hận bẽ bàng từ hôm thua cuộc thi vẽ với Quỳnh.

Vua lập tức sai người đi khắp bàn dân thiên hạ, mà không tìm được con trâu nào đáng mặt để đối địch. Vua lo lắng, ngọc thể bất an, e phen này xấu mặt với sứ Tàu, liền triệu Trạng vào vấn ý. Chuyện chọi trâu trở thành quốc sự. Quỳnh nghe nói, liền tâu với vua ta là đã có sẵn trâu chọi, cứ nhận lời thách đấu cùng sứ nhà Thanh, chẳng việc gì phải nao núng.

Đến ngày thi, dân chúng kéo nhau đến xem trâu Trạng chọi với trâu sứ Tàu. Sứ Tàu thả trâu họ ra, con trâu to lớn, cổ quái, hai mắt long sòng sọc, đứng nghênh sừng khiêu khích, thoáng nhìn người xem đã kinh hồn bạt vía. Phen này khéo ra

toi luôn quốc thể. Lúc ấy Quỳnh mới thả một con
nghe con ra. Chú ta bị nhốt riêng suốt đêm, khát
sữa quá, thấy trâu Tàu tưởng trâu mẹ, liền húc
đầu vào bụng trâu Tàu để tìm vú. Trâu Tàu là trâu
đực nhốt lên như bị cù, lúi mấy vòng, cuối cùng
không chịu được nữa liền bỏ cuộc, chạy thực mạng.
Chú nghe của Quỳnh cũng cong đuôi đuổi theo.
Thật là một cuộc vượt đuổi không cân sức, phần
thua thuộc về trâu Tàu to xác.

Sứ Tàu bẽ mặt lủi mất.

Quỳnh vỗ tay reo:

- Ta thắng Tàu rồi! Ta thắng Tàu rồi, bà con ơi!



CHỈ CÓ MỘT CÁCH

Bị thua cuộc Trạng Quỳnh nhiều lần, sứ Tàu vẫn hăm hè muốn độ tài cao thấp để gỡ lại thể diện. Sứ đưa ra trò gì, Quỳnh chấp tất trò ấy, chưa một lần chịu ngang phân.

Lần đó, giữa triều đình, trước mặt vua ta và bá quan văn võ, sứ Tàu đưa ra một chai nước, bảo là loại nước thơm đặc biệt, quà sứ thần tặng vua ta. Nước thơm được đóng kín trong chai đúc liền thành một khối thủy tinh. Chắc là thứ nước ấy phải quý lắm. Mà sứ Tàu cũng oái oăm, đóng nước vào chai không có nút thì lúc mở làm sao mở lấy được. Thì chính hần làm thế là cố ý muốn xỏ vua ta. Phen này một chữ mười Trạng Quỳnh khéo cũng bí. Sứ Tàu hí hửng chờ kết quả cuộc đấu trí mà hần đã hoàn toàn nắm thế chủ động.

Giữa lúc cả triều đình đang lúng túng, không rõ sứ Tàu đưa cái trò nước đóng chai kín này ra để làm gì, thì hần dong dạc nói xách mé, như thách đố và đe dọa:

- Đố làm cách gì lấy được nước?

Hắn có hàm ý hẩn hoi, nước vừa chỉ thứ nước lỏng thơm đặc biệt ở trong chai đóng kín kia, vừa ám chỉ rằng: các ông mà không biết điều thì chúng tôi lấy mất nước đấy.

Ồ, hắn lại đồ: Làm cách gì lấy được nước? Khó thật, vua ta đưa mất ra hiệu cho Quỳnh. Quỳnh ung dung tiến lại gần chỗ để chai, rồi bảo sứ Tàu:

- Ông giở cái trò xiếc này ra kể cũng cao tay. Chai không có nút thì làm sao lấy được nước?

- Tài trí hơn nhau ở chỗ ấy đấy, ông Trạng!

- Vậy thì chả có gì là khó: Muốn lấy được "nước" thì chỉ có một cách, mà cách này thì thiệt hại thuộc về phía các ông.

- Cách gì?

- "Đánh!" tôi nhắc lại, các ông thiệt đấy! Đánh!

Nói đoạn, Quỳnh giang thẳng tay đập vỡ cái chai. Sứ Tàu bị bất thần, mồ hôi toát ra như tắm, vẫn kịp giở trò bắt đền vì Quỳnh làm vỡ chai.

Bấy giờ Quỳnh mới ung dung nói:

- Ông đồ lấy nước, chứ không giao hẹn phải giữ nguyên chai. Thế thì còn cách nào khác là phải "đánh". Mà "đánh" để lấy "nước" thì phần thiệt thuộc về các ông nhân tiên ra rồi, đền bồi cái nỗi gì.

*

* *

Theo một bản được dẫn trong *Từ điển văn học*, tập II, câu chuyện trên có những chi tiết khác rất đáng chú ý. Xin tóm tắt như sau để bạn đọc tham khảo: Lần ấy vua quan nhà Thanh lắm le xâm lược nước ta, chúng cử một phái bộ sang ta để dò la, đầu trí, tìm hiểu binh tình.

Phái bộ nhà Thanh đến kinh đô, dâng vua Lê chai nước hoa bịt kín miệng, kèm theo một lá thư nhờ triều đình ta lấy hộ nước trong chai ra.

Nhà vua đang lúng túng, chưa biết nên xử trí thế nào, thì Trạng Quỳnh cầm gậy đập vỡ tan cái chai, nước bắn ra tung toé và nói với sứ thần nhà Thanh rằng:

- Trong thư chỉ nhờ lấy nước, không nhắc gì đến đòi chai. Thiết tưởng muốn lấy nước thì phải đánh mà lấy. Mà đánh thì vỡ chai, thiệt hại thuộc về quý quốc.

Sứ nhà Thanh sợ xanh cả mặt và nhà vua Thanh không dám cất quân đánh nước ta nữa.

THƠ TRỐNG, VÂN THIÊN

Một lần Quỳnh được nhà vua cử đi sứ Tàu, trọng trách khá nặng nề, vì vua Tàu quen thói nước lớn hay giở trò sỉ nhục sứ ta. Lần ấy, vua Tàu muốn ra oai cho sứ Nam biết thiên triều lắm bậc đại danh, bèn tổ chức cuộc thi để Quỳnh cùng các quan hàn lâm Bắc quốc có dịp trở tài văn bút. Thật là dịp hiếm có.

Các quan hàn lâm Bắc quốc đã được thông báo sẵn đề thi trước mấy giờ để kịp thi thố tài năng; riêng Quỳnh tất bị giữ kín, sẽ lâm vào thế bị động, thua là cái chắc.

Trước mặt vua Tàu, những người dự thi sẵn sàng giấy bút chờ đề vua ban. Quỳnh và mấy người được báo cho hay: khi nào trống nổi lên, ấy là cuộc thi bắt đầu.

Quỳnh chăm chăm nhìn vào giáo trống. Bỗng "tùng" một cái, trống điểm rành rọt, mà đề thi vẫn chẳng có. Trong lúc ấy các quan hàn lâm Bắc quốc không ai bảo ai đã cầm cúi viết, người được mấy dòng, kẻ đã gần kín trang.

Biết là bị mắc mưu lừa, Quỳnh ngẫm nghĩ: "Đề thi không ra mà họ lại làm được bài, ắt là đề thi bị giấu, nhưng chỉ giấu ta còn không giấu họ. Vậy phải tương kế tựu kế, không thể để nhục quốc thể".

Nghĩ đoạn Quỳnh thực hiện ngay mưu mẹo, cắm đầu vào quyển thi, lia thiên lia theo nét bút lòng vòng, dấu mực nho dè giúi vào nhau, trông hàng lối đầu đẫy nhưng không chữ nào ra chữ nào. Viết xiên viết xẹo một chập, Quỳnh cuộn bài thi đút vào ống quyển đem nộp.

Đi lướt qua mặt các quan hàn lâm Bắc quốc, Quỳnh liếc nhanh để xem đề thi là gì, thấy loáng thoáng bốn chữ: "Thơ trống văn thiên". Đúng như Quỳnh chợt nghĩ lúc nãy, khi thấy thi vệ đánh trống xong, bỗng chỗ dùi trống lên trời (chữ Hán: *Thiên nghĩa là trời*).

Nắm chắc đề thi rồi, Quỳnh ung dung trở lại kỳ án của mình, chuẩn bị trong đầu bài văn thật hay, thật chỉnh, theo đúng đề thi vua ngầm đưa ra.

Cuộc thi kết thúc, các bài văn khác được đọc lên, riêng bài của Quỳnh thì cả vua Tầu, cả các bậc tài danh thiên triều đều cứng họng không đọc nổi, vì đó chỉ là những dấu mực loằng ngoằng vô nghĩa dè giúi vào nhau thành hàng thành lối. Thật như bát quái trận đồ.

Vua Tầu giận lắm mắng Quỳnh té tát:

- Nhà ngươi đúng là đồ vô học, không biết chữ thánh hiền, vậy mà cũng dám dự thi với các danh tài thiên quốc. Giá ngươi nói trước, tội còn giảm được đôi phần. Đằng này điếc không sợ súng, ngươi dám bĩ mặt ta, tội không tha được!

Quỳnh chẳng hề lúng túng, lễ phép tấu trình:

- Tôi đâu dám làm điều sằng bậy. Bài văn tôi viết hay lắm, đâu không giật giải nhất cũng chẳng phải văn xoàng, để đến nỗi mang tội. Xin được soi xét công minh.

- Ngươi có viết gì đâu mà bảo văn hay. Lại còn soi xét. Soi xét mấy đồng gà bới à?

- Thật oan cho thần.

- Oan là oan thế nào? Có ai đọc nổi gì đâu mà ngươi dám bảo là oan?

- Chết nỗi, thần cứ nghĩ nhà vua và các danh tài đất thiên triều thông hiểu lối chữ thảo của nước chúng tôi. Vậy là tôi nhầm. Xin được chép lại theo lối chữ thông thường mà bọn học trò ở xứ tôi vẫn tập viết vậy.

Vua Tàu nghe thấy chuyện lạ, cho phép, Quỳnh chép lại bài văn để vua thưởng lãm.

Thế là bài văn trong đầu Quỳnh được thể rộng rãi ra đầu ngọn bút lông, tha hồ nhả ngọc phun châu. Vua Tàu đọc xong, gật gù phê là tuyệt tác, rồi bỗng hỏi Quỳnh:

- Văn tài như ông, xứ Nam có mấy người?

- Dạ, tôi chả đáng mặt văn tài xứ Nam, vì xứ Nam tôi nhiều người giỏi lắm, còn *vô học* như tôi - Quỳnh nói chậm lại và hơi nhấn giọng, nghĩ đến lời vua Tàu lúc nãy mắng mình là *vô học* - Vâng cái đồ *vô học* như tôi thì ở nước Nam mỗi nhà đều có một vài người.

Vua Tàu nghe vậy cả kinh, biết là mắc mưu Trạng Quỳnh mà vẫn phục tài sứ thần Nam quốc.



TIỀN CHỦ HẬU KHÁCH

Trong thời gian đi sứ bên Tàu, một lần quan thừa tướng nước ấy mời Trạng Quỳnh đến dinh, mở tiệc khoản đãi. Từ cổng ngoài vào nội dinh, quan cho đào hầm sâu, hào rộng, rồi nguy trang lấp đi, trải chiếu hoa lên trên - Thoạt nhìn, không ai có thể nhận ra hiểm họa đang nấp dưới từng bước chân mình. Tên thừa tướng Tàu chơi khăm, định tâm lừa Quỳnh sơ ý sập hầm, sập hào mà về châu Diêm vương.

Quỳnh ung dung vững lòng đến dinh thừa tướng. Hắn ra tận cổng ngoài đón Quỳnh rất là niềm nở, chu đáo, lại mời Quỳnh đi trước theo phép lịch sự. Quỳnh đâu có lạ gì những mưu xảo của thừa tướng Bắc quốc, nên ra ý chân chừ, không chịu dẫn thân đi trước. Một mực nhường bước quan Tàu, Quỳnh cung kính thưa:

- Dạ, thưa quan thừa tướng, tôi đâu dám bất kính đi trước ngài. Ta vẫn có câu: "Tiền chủ, hậu khách", vậy xin rước quan thừa tướng đi trước cho phải phép!

Dùng đường nhường qua nhịn lại không thành, thừa tướng Tàu đành phải đi trước để trở vào dinh, Trạng Quỳnh đi sau, cứ theo đúng dấu chân thừa tướng Tàu mà đặt bước, mọi sự vì thế yên ổn cả. Lại không méch lòng chủ.



ĐÃI TIỆC QUAN TÀU

Nghe tin Quỳnh đãi tiệc, các quan Tàu bảo nhau kéo đến rất đông. Quỳnh sai quân lính trang hoàng phòng tiệc thật lộng lẫy, bàn nào bàn ấy bày biện đĩa chén choáng loáng, toàn hàng Tàu sang "xịn" hết ý. Nhưng lạ một điều, không thấy Quỳnh sai mua bán thức ngon vật lạ gì, chỉ bảo kiểm về thật nhiều rượu, đặt từng chai, từng vò sẵn trên bàn. Còn trong bếp, tịnh không thấy nổi lửa, xoong nổi sạch sẽ như lau như ly, chỉ có mấy anh đầu bếp thủ sẵn dao mã, dao dựa ngồi chực bên những cái thớt nghiêng, chờ hiệu lệnh là hành sự.

Đã đến giờ mở tiệc khoản đãi quan Tàu, Quỳnh trịnh trọng bước ra, nói mấy lời khách khí, rồi chỉ vào những cái bàn tiệc bày biện "linh đình" những bát, những vò, những đĩa, những chén không:

- Xin mời các quý ngài dùng tạm rượu trước. Rượu ngon cất tự bên nhà, giữ ủ mãi hôm nay mới đem ra mời khách quý "nam vô tửu" như "kỳ vô phong", xin các ngài tỏ mặt trượng phu, cùng nâng

chén cho Quỳnh tôi được hân hạnh. Mời!

Thế là bàn nào bàn ấy, rượu rót hàng bát, ừng ực uống, ồn ào nói, rượu vào lời ra. Nốc, rồi lại cốc, cốc mấy kẻ chưa uống đã say, cũng có kẻ tỉnh táo hơn, ngóng phía cửa bếp chờ nhà sứ mang thức ăn ra. Thế rồi, như có hiệu lệnh ngầm từ đâu truyền qua, dao thót trong bếp bầm gõ inh ỏi. Cứ như nhà có đám thật. Chốc chốc lại có tốp lính rồi rít chạy vào chạy ra, xoay lại bàn ghế, xếp sắp bát đĩa. Ai cũng chắc mẩm tiệc to lắm, nấu nướng hẳn lâu, nên cứ vừa uống rượu vừa nấn ná chờ. Chờ nữa, chờ mãi... chờ cho đến lúc say tít cung thang vì đối mềm mà lại rượu suông quá chén. Ông này ông nọ gục đổ vào nhau, không còn phân biệt Bắc quốc, Nam nhân gì nữa. Lúc ấy, Quỳnh mới sai quân lính hai nước dìu các quan Tàu về tư dinh các ngài, ông nào say quá thì khiêng, cáng.

Mấy bữa sau gặp lại các quan Tàu, Quỳnh làm mặt trách móc:

- Các ngài được bữa vui vẻ thế, rượu ngon uống vào chả ai còn thiết soi sơn hào hải vị, chỉ khổ sứ quán tôi thịt cá ê hề, ăn mấy bữa không hết, phải đổ cho lợn hàng phố.

ĐÁNH TRÁO THU, CỨU BẠN KHỎI NGUY, THẢO THƠ MỪNG, KHÁY CHÚA TẠI TRẬN

Có nhiều bài thơ nghịch, truyền tụng là của Trạng Quỳnh. Ở đây chỉ dẫn hai bài khá tiêu biểu.

Bài thứ nhất tạm gọi là *Thơ cứu nguy*. Nguyên có một thầy giáo đi dạy học ngoài tỉnh xa, bà vợ ở quê nhà. Thầy giáo một, hai năm mới về thăm qua một lần, bao nhiêu tiền của chất bóp được, đưa hết cho vợ. Năm ấy, vùng thầy ngồi gõ đầu trẻ mất mùa, các môn sinh cái ăn còn chẳng có, lấy đâu ra tiền học. Buồn tênh vì "thất nghiệp", nhưng thầy cũng không dám tính chuyện về quê đi lại tốn kém, tay nải lại không có một cắc dính đầy. Đẳng nào thì cũng thế, tay trắng về với vợ con nhọc hơn ăn quýt. Thế là thầy cứ ở lý lại tỉnh không dám thò mặt đi đâu, đành lòng đói khát qua thì.

Nhưng mẹ vợ đâu có cho thầy ám chỗ, mẹ sai người nhà đi tìm. Lần mò tìm mãi rồi cũng thấy thầy. Không còn cách nào khác, thầy đành viết thư tạ lỗi vợ, lời lẽ tội nghiệp nhún nhường, mong mẹ thông cảm để thầy được phúc nhờ.

Anh người nhà cầm thư về quê. Tình cờ có gặp Quỳnh đi cùng đường, Quỳnh lại quen biết anh chồng, anh người nhà mới tỉ tê kể lại tình thế "nguy cấp" của thầy giáo. Quỳnh bèn định kế:

Đánh tráo thư, cứu bạn khỏi nguy

Lừa lúc anh người nhà sơ ý, Quỳnh lấy biến cái thư của thầy giáo gửi vợ, chép bài thơ của mình đầy một tờ giấy rồi đánh tráo vào.

Thơ của Quỳnh như sau:

*Này lời giáo thụ gửi về quê
Nhấn nhủ bà mi chớ ngửa nghề!
Côi Bắc anh mang thằng cù lẳng
Miền Nam em giữ cái trai he.
Hãy còn vương vít như hang thỏ?
Hay đã tò ho quá lỗ trê?
Dù có thế nào đành chịu vậy
Hai ba năm nữa đợi anh về.*

Thế là Quỳnh giúp bạn chuyển bại thành thắng. Bà vợ đọc thư này ắt phải đỏ mặt mà quên chuyện trách móc này kia đó nọ.

Bài thứ hai là *Thơ mừng Chúa thắng trận*. Bài này là một trong vô số những bài thơ của các quan võ, quan văn "ca" chuyện nhà Chúa cầm binh giữa đêm hôm đánh thắng quân kia. Chỉ khác nhau ở chỗ, các thứ thơ khác là thơ nịnh, còn thơ của Quỳnh là thơ lôm cộm. Đọc lần đầu Chúa còn đặc ý

tán thưởng, mãi sau ngẫm nghĩ mới thấy hết cái hàm ý đằng sau câu chữ của Trọng.

Thơ rằng:

*Nửa đêm giờ Tý trống canh ba
Thoắt tiến lên thành, tháo lữ ra
Một tướng xông vào trong cửa ải,
Hai quân lẫn lóc bãi san hà,
Quân ta giao chiến cùng quân nó,
Nước nó giao hoà với nước ta.
Đánh đoạn, rút về lau khí giới.
Thu binh hồi trại xếp can qua⁽¹⁾*

Ồ hay, đây là chuyện ngoài chiến địa hay chuyện trong buồng thê? Thơ ấy chi tiết như được viết ngay ở hiện trường. Thế mới đáng tài Trọng Quỳnh:

Thảo thơ mừng, kháy Chúa tại trận...

⁽¹⁾ Bài thơ trên chép theo bản của Lăng Nhân.

CÂY NHÀ LÁ VƯỜN

Chúa ghét Quỳnh lắm, định tâm trả thù, bèn sai lính đến kéo đổ nhà Quỳnh. Quỳnh thấy lính đến thì lấy làm lạ. Hỏi ra mới biết, bèn nghiêm mặt bảo chúng:

- Chúa sai các anh đến kéo đổ nhà ta thì các anh cứ việc kéo, ta chẳng ngăn, lại mang tiếng cưỡng ý Chúa. Nhưng muốn kéo sao thì kéo không được reo hò, ai mà reo hò nửa lời ta cắt lưỡi liền. Nào, làm đi, rồi liệu mà về cho khuất mắt.

Cái nghề đã kéo nặng thì phải reo, phải hét, phải hô ta, hò huây. Bọn lính nghe Trạng giao hẹn, đành chịu về không vì được lòng Chúa thì trái ý Trạng. Mất lưỡi thì sống cũng như chết, còn sướng cái nổi gì?

Chúa bảo bọn lính ngu, bèn bày kế khác:

- Không kéo đổ được nhà nó, thì chúng mày vào nhà nó mà ỉa cho bõ ghét vậy. Có thể mà cũng không biết ứng xử cho phải phép. Cứ thế, cứ thế mà làm, xem nó còn ngáng trở được không?

Bọn lính đắc ý, kéo đến nhà Quỳnh thì hành ý

Chúa. Phen này vườn nhà Trạng cứ là thối um cả lên. Thế mới bõ tức.

Quỳnh lại bảo bọn lính:

- Chúa sai các anh đến ỉa vào nhà ta, thì cứ việc ỉa, ai thêm can, nhưng ta cấm đái, anh nào đái thì ta cho thành quan hoạn. Nào, các chú mày, cứ thử mà xem!

Ai ỉa mà nhịn đái được, bọn lính lại cấp dấm về không. Vài đứa lấu cá, nghe thấy Trạng nói thế, bèn lấy gáo dừa hứng nước đái mà ỉa. Quỳnh đành chịu thua, nhưng lại nghĩ ra mẹo khác trả miếng lại Chúa.

Ít lâu sau, Quỳnh cho mang một cây cải rất to vào tiến Chúa, bảo làm cơm để Chúa xơi. Khi Quỳnh vào hầu, Chúa hỏi cải đâu mà to thế, lại khen ngon quá.

Quỳnh chấp tay thưa rằng:

- Cải nhà trồng, trước nó không to mấy, từ độ Chúa sai lính đến ỉa vào nhà thần, thần lấy phân ấy bón cải, nên nó lớn phổng lên thế. Thần nghĩ cây nhà lá vườn đem dâng để Chúa xơi. May mà lại được Chúa khen ngon. Thần lấy làm mừng.

Chúa giận lắm nhưng không thể bắt tội Quỳnh, chỉ vừa phục vừa ghét.

TRẠNG CHẾT CHÚA CŨNG BĂNG HÀ

Từ lâu, Chúa đã có bụng ghét Quỳnh. Một hôm, nghe lời bọn quan thị xúi bầy, Chúa đòi Quỳnh vào thị yến, định nhân đó đánh thuốc độc cho chết, trừ hẳn mầm họa.

Quỳnh biết Chúa căm mình về bao nhiêu lần bị mắc lõm từ trước, bèn này cho đòi vào, chắc là có chuyện. Lúc đi, dặn vợ con phải đình ninh nhớ lời của mình và làm theo.

Trạng linh cảm thấy bao điều hệ trọng còn chưa nói hết được, chỉ vắn tắt:

Hôm nay ta vào hầu yến Chúa, lành ít, dữ nhiều. Ta có mệnh hệ nào, nhớ là không được phát tang ngay, cứ để ta nằm vào vồng, cất hai đứa quạt hầu, rồi gọi nhà trò về hát, đợi bao giờ trong phủ Chúa phát tang thì ở ngoài này hãy khâm liệm ta, cử hành tang lễ. Mọi việc ta dặn, cứ nhất nhất thi hành. Thôi ta đi, đừng hỏi nhiều mà lộ thiên cơ. Ta bầm độn, đã tường mọi chuyện.

Dặn xong, lên vồng vào phủ Chúa thị yến theo lời mời, không tỏ vẻ gì là lúng túng, chần chừ.

Quỳnh vào đến cung, đã thấy Chúa ngồi chờ đấy rồi, thật là một đặc ân, nhưng mà sao mặt Chúa trông khác lắm, đôi mắt gian xảo, miệng cười ngượng ngập:

- Lâu không thấy mặt Trạng, lòng ta chờ ngóng mong đợi. Vừa rồi có người tiến hải vị, ta nhớ đến ông cho gọi vào ăn yến, ông không được khách sáo từ chối mà trái ý ta.

Quỳnh biết Chúa thù về chuyện mình làm thơ lăm Chúa và tiến cây cải hôm nọ; không ăn hẳn là không xong.

Quỳnh vừa nếm một miếng khỏi miệng, Chúa bỗng hỏi Quỳnh, giọng khác thường:

- Bao giờ Trạng chết?

Quỳnh thần nhiên đáp như đã có chủ định:

- Bao giờ nhà Chúa băng hà thì Quỳnh này cũng chết cho phải đạo quần thần.

Ăn xong, thấy trong người khang khác, Quỳnh vội cáo biệt, xin về. Đến nhà thì tắt thở. Vợ con cứ theo lời dặn mà làm, nuốt nước mắt mà nén nỗi đau lòng khôn tả.

Chúa cho người dò xét, xem Quỳnh có việc gì không. Thấy Quỳnh đương nằm vờng nghe nhà trò hát, mà người nhà thì đi lại vui vẻ như đang có hội, người đó bèn về tâu với Chúa. Chúa kinh hoàng, liền đòi đầu bếp lên hỏi xem đánh thuốc thế nào

mà Quỳnh không việc gì cả. Đầu bếp cứ thực khai ra, một mực làm theo lời căn dặn của Chúa, không dám sai mảy may.

Chúa vẫn còn sinh nghi, bèn thử nếm mấy húp yến thừa, được một chốc thì lăn ra chết.

(Xin mở dấu ngoặc: có nơi lại kể là khi Trạng ra về để lại cho Chúa một quyển sách có tẩm thuốc. Chúa thấm nước bọt vào ngón tay để giở sách, thuốc độc truyền vào miệng mà chết).

Vợ Quỳnh thấy trong phủ Chúa phát tang thì ở nhà cũng phát tang. Chúa và Trạng Quỳnh cùng đưa ma một ngày.

Thế mới biết Quỳnh chết đến cổ còn lừa được Chúa chết theo mình. Tài thật!

Đời sau có câu thơ ứng vào chuyện này:

*Trạng chết Chúa cũng băng hà
Dưa gang đỏ dít thì cà đỏ tròn.*

*

*

*

Truyện Trạng Quỳnh đến bây giờ vẫn được lưu truyền trong dân gian, đời này kể lại cho đời sau không dứt, người ta còn sưu tầm được nhiều truyện khác bổ sung vào, di sản truyện Trạng Quỳnh ngày thêm phong phú.

MỤC LỤC

Cùng bạn đọc

1. GIỎI TỬ TRONG BỤNG MẸ	5
2. ÔNG TO ĐẦU, ÔNG NỎ LỬA	7
3. TRỜI SINH ÔNG TÚ CÁT	9
4. DÊ ĐỤC CHỮA	13
5. ĐƠN TRÌNH BỎ CHẾT CỦA CÔ GÁI KỂ NGHÌ	16
6. TRANG QUỲNH ĂN HỐI LỘ	22
7. ĐẰNG NÀO LÀ GỐC? ĐẰNG NÀO LÀ NGON?	24
8. NHẬT BÃ TRẦU	28
9. DÒM NHÀ QUAN BẢNG	30
10. ĐỐI ĐÁP VỚI THỊ ĐIỂM	34
11. CHIU THUA	37
12. CÂY RỄ RUỘNG BÀ CHÙA LIỄU	40
13. VAY TIỀN CHÙA	44
14. TRẢ ƠN BÀ CHÙA LIỄU	47
15. LỄ CHÙA LIỄU BA BÒ	49
16. ÔNG NỢ BÀ KIA	51
17. ĂN... THUỐC ĐỘC	53
18. TIÊN SƯ THẮNG BẢO THÀI	57
	59

19. XÔI HAI TRÙNG	61
20. TRẢ LỄ THÀNH HOÀNG	63
21. XỔ GÁI CHANH CHUA	65
22. BÀ BANH MẮT THIỀN	66
23. TRÊN CẨM ĐIẾC, DƯỚI CUNG CẨM ĐIẾC	68
24. THƯA GIẤY VẼ VƠI	71
25. THỐI KHÔNG NGỦ ĐƯỢC	73
26. PHƠI SÁCH	75
27. TRẢ NỢ ĐÒ NGANG	78
28. NGỌC NGƯỜI	80
29. QUẢ ĐÀO TRƯỜNG THỌ	84
30. ĐÁ BÉO	86
31. PHẬT SAY	89
32. GIẤU ĐẦU HỖ ĐUÔI	91
33. THẮNG NGOÀI... THẮNG TRONG	92
34. GHEO CỎ HÀNG NƯỚC	94
35. CHÙA NGỦ NGÀY	95
36. SÁCH QUÝ	97
37. ĂN TRỘM MÈO VUA	102
38. CHỢI GÀ	104
39. MẮM ĐÁ	106
40. LẠI TRUYỆN TRẠNG QUỲNH, THỊ ĐIỂM	109
41. BỆNH SĨ	112
42. THI VẼ	114
43. CHỢI TRÁU	116
44. CHỈ CÓ MỘT CÁCH	118
45. THƠ TRÔNG, VẤN THIÊN	121

46. TIẾN CHỦ HẬU KHÁCH	125
47. ĐÃI TIỆC QUAN TÀU	127
48. ĐÁNH TRÁO THƯ, CỨU BẠN KHỎI NGUY, THẢO THƠ MỪNG, KHÁI CHỮA TẠI TRẬN	129
49. CÂY NHÀ LÁ VƯỜN	132
50. TRẠNG CHẾT CHÙA CÙNG BĂNG HÀ	134

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 - Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

*Điện thoại: 8.294.684 - 8.294.685 * Fax: 048.294.781*

TRUYỆN TRẠNG QUỲNH

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN VĂN LƯU

Chịu trách nhiệm bản thảo:

NGUYỄN CỪ

Biên tập : **NGUYỄN PHƯƠNG THUỶ**

Vẽ bìa : **MINH NGHUYỆT**

Trình bày : **NGỌC BÁCH**

In 700cuốn, khổ 13 x 19cm.

In tại Xưởng in Giao thông.

Giấy TNKHXB số 1129/92 CXB ngày 27 - 9 - 2003.

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2003.

